

Số: 377/BC-UBND

Đắk Nông, ngày 16 tháng 6 năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư phát triển 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2023

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thực hiện Chương trình Kỳ họp thứ 06 HĐND tỉnh khóa IV, nhiệm kỳ 2021-2026; UBND tỉnh báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư phát triển 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2023, cụ thể như sau:

PHẦN I:

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023

I. Tình hình giao và phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023:

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 là: 3.822,7 tỷ đồng (bao gồm kế hoạch vốn được giao năm 2023 là 3.473,2 tỷ đồng; kế hoạch vốn kéo dài năm 2022 sang năm 2023 là 349,5 tỷ đồng), cụ thể như sau:

1. Kế hoạch vốn năm 2023: là 3.473,163 tỷ đồng. Đến nay số vốn đã giao chi tiết là 3.248,122 tỷ đồng, đạt 93,5% kế hoạch vốn; số vốn chưa giao chi tiết là 225,051 tỷ đồng, cụ thể:

1.1. Vốn ngân sách địa phương: Đã giao chi tiết là 1.284,343 tỷ đồng/1.423,543 tỷ đồng, đạt 90,2%. Số vốn chưa giao chi tiết 139,2 tỷ đồng;

Nguyên nhân chưa giao chi tiết toàn bộ nguồn vốn là do: Nguồn bội chi ngân sách địa phương chưa giao là 39,20 tỷ đồng, dự kiến tỉnh sẽ giao theo tỷ lệ và mức phân bổ vốn ODA theo quy định; còn lại 100 tỷ đồng từ nguồn tăng thu của tỉnh sẽ được tỉnh phân bổ chi tiết cho các dự án khi đảm bảo được điều kiện giao.

1.2. Vốn ngân sách trung ương: Đã giao chi tiết là 1.916,769 tỷ đồng/1.923,890 tỷ đồng, đạt 99,63%. Số vốn chưa giao chi tiết 7,121 tỷ đồng thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Trong đó:

- Nguồn ngân sách trung ương trong nước: Đã giao chi tiết là 1.115,6 tỷ đồng/1.115,6 tỷ đồng, đạt 100%.

- Nguồn hỗ trợ đối với danh mục nhiệm vụ thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội: Đã giao chi tiết là 254,879 tỷ đồng/ 262 tỷ đồng, đạt 97,3%. Số vốn chưa giao chi tiết 7,121 tỷ đồng.

Nguyên nhân chưa giao chi tiết toàn bộ nguồn vốn là do: Dự án Sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa nước (Thôn 2, Đắc Ngo, Xã Đắc Ngo, Hồ Số 2, Hồ Số 3, Thôn 2, Ea T'ling, Thôn 3B) được dự kiến giao số vốn là 60 tỷ đồng. Tuy nhiên, sau khi dự án được thẩm định, phê duyệt đầu tư thì tổng mức đầu tư giảm 7,121 tỷ đồng so với tổng mức đầu tư được chủ trương phê duyệt, còn 52,879 tỷ đồng. Do đó, để kịp thời bố trí số vốn còn lại (7,121 tỷ đồng) cho dự án khác có nhu cầu, UBND tỉnh Đắc Nông đã báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép tỉnh điều chỉnh số vốn này sang các dự án sử dụng nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ khác (ngoài các dự án thuộc Chương trình Phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội) tại Công văn số 180/UBND-KT ngày 11/01/2023.

- Vốn chương trình mục tiêu quốc gia (vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương): Đã giao chi tiết là 546,290 tỷ đồng/546,290 tỷ đồng, đạt 100%.

1.3. Vốn nước ngoài (ODA): Đã giao chi tiết là 47 tỷ đồng/125,730 tỷ đồng, đạt 37,38%. Số vốn chưa giao chi tiết 78,730 tỷ đồng; nguyên nhân chưa giao chi tiết toàn bộ nguồn vốn là do:

- Dự kiến bố trí cho dự án Trường Cao đẳng cộng đồng tỉnh Đắc Nông, với số tiền 32,73 tỷ đồng, nhưng dự án chưa được ký thỏa thuận vay với nhà tài trợ (tại Công văn số 10107/BTC-QLN ngày 04/10/2022, Bộ Tài chính cho biết dự kiến việc ký kết Thỏa thuận vay sẽ thực hiện vào khoảng tháng 6/2023);

- Dự kiến bố trí cho dự án Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Đắc Nông với số tiền 46 tỷ đồng để thực hiện bổ sung các hạng mục nhằm sử dụng hết nguồn vốn của dự án. Tuy nhiên, đến nay Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) vẫn chưa có văn bản trả lời chính thức làm ảnh hưởng phần nào đến công tác hoàn thiện các thủ tục. Tính đến hết ngày 31/5/2023, UBND tỉnh đang thực hiện các thủ tục giao 9,6 tỷ đồng cho dự án⁽¹⁾. Đối với số vốn còn lại là 36,4 tỷ đồng UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp các đơn vị có liên quan rà soát các dự án đang triển khai (tại Công văn số 2516/UBND-KT ngày 11/5/2023), trong trường hợp các dự án có nhu cầu bổ sung thêm vốn, UBND tỉnh sẽ bố trí theo quy định.

2. Kế hoạch vốn kéo dài năm 2022 chuyển sang năm 2023: 349,5 tỷ đồng nguồn Chương trình mục tiêu quốc gia.

¹ Đến ngày 08/6/2023, UBND tỉnh đã giao chi tiết số vốn trên tại Quyết định số 704/QĐ-UBND.

II. Công tác chỉ đạo, điều hành:

Ngay từ đầu năm, xác định nhiệm vụ đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư công, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội là nhiệm vụ trọng tâm, ưu tiên các cấp, các ngành trong năm 2023; với mục tiêu giải ngân đạt kết quả cao nhất kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023, không để trung ương điều chuyển vốn, hủy dự toán; đồng thời thực hiện các ý kiến chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã triển khai thực hiện các giải pháp như sau:

- Ngay sau khi HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023; Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và phân bổ dự toán ngân sách nhà nước thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2023; UBND tỉnh đã giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2023 (tại Quyết định số 2114/QĐ-UBND ngày 15/12/2022) và chỉ đạo thực hiện và tăng cường quản lý kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2023 (tại Công văn số 7315/UBND-KT ngày 15/12/2022).

- Đã ban hành Chỉ thị số 01/CT-UBND ngày 19/01/2023 về việc chấn chỉnh công tác đấu thầu các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

- Đã ban hành Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 21/02/2023 về phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2023.

- Chỉ đạo kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng các dự án trên địa bàn tỉnh để đảm bảo tiến độ thực hiện các dự án (tại Công văn số 414/UBND-NNTNMT ngày 06/02/2023).

- Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ phân bổ, giải ngân vốn đầu tư công, 03 Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023, thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (tại Công văn số 2929/UBND-KT ngày 29/5/2023).

- Chỉ đạo khẩn trương rà soát, kịp thời tham mưu cấp có thẩm quyền điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 nhằm đảm bảo kết quả giải ngân đạt kết quả cao nhất.

- Chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến nguyên liệu đất san lấp, quy hoạch khoáng sản; các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng, đường giao thông đang chậm tiến độ so với kế hoạch, nhiều công trình có nguy cơ phải điều chuyển vốn do vướng mắc liên quan đến vật liệu san lấp, ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; Đặc biệt, dự án Quảng trường trung tâm thành phố Gia Nghĩa là công trình trọng điểm của tỉnh và phục vụ tổ chức lễ kỷ niệm 20 năm thành lập tỉnh (dự kiến ngày 23/3/2024).

- Chỉ đạo các đơn vị tổ chức rà soát các nguồn thu và đề ra giải pháp thu ngân sách năm 2023; trong đó, đảm bảo nguồn thu sử dụng đất để kịp thời nhập nguồn cho các dự án được đầu tư từ nguồn sử dụng đất nhằm đảm bảo tiến độ thực hiện theo kế hoạch đề ra.

- Kịp thời kiến nghị trung ương hướng dẫn để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện đầu tư xây dựng chương trình, dự án.

- Cập nhật tình hình thực hiện và giải ngân hàng tuần để lồng ghép chỉ đạo tại các Thông báo kết luận của cuộc họp giao ban UBND tỉnh và cuộc họp Thành viên UBND tỉnh.

III. Tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn năm 2023 đến ngày 31/5/2023:

Đến ngày 31/5/2023, đã giải ngân được 833,7 tỷ đồng/3.822,7 tỷ đồng, đạt 21,8% kế hoạch (*Chi tiết tại Phụ lục I; I-a; I-b; I-c; I-d đính kèm*). Cụ thể như sau:

1. Đối với kế hoạch vốn đầu tư công giao năm 2023 là: Đã giải ngân được 685,3 tỷ đồng, đạt 19,7% so với kế hoạch vốn được giao năm 2023 (685,3 tỷ đồng/3.473,2 tỷ đồng), đạt 21,1% so với kế hoạch vốn được phân bổ (685,3 tỷ đồng/ 3.248,1 tỷ đồng). Trong đó:

1.1. Ngân sách địa phương: Đã giải ngân được 345,3 tỷ đồng/1.423,5 tỷ đồng, đạt 24,3% số vốn được giao và đạt 26,9% số vốn đã phân bổ.

1.2. Ngân sách Trung ương hỗ trợ: Đã giải ngân được 340 tỷ đồng/1.923,9 tỷ đồng, đạt 17,67% số vốn được giao và đạt 17,74% số vốn đã phân bổ, cụ thể:

- Nguồn ngân sách Trung ương trong nước: Đã giải ngân được 307,8 tỷ đồng/1.115,6 tỷ đồng, đạt 27,6%.

- Nguồn hỗ trợ đối với danh mục nhiệm vụ thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội: Đã giải ngân được 15,3 tỷ đồng/262 tỷ đồng, đạt 5,84%.

- Nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia (vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương): Đã giải ngân được 16,9 tỷ đồng/546,3 tỷ đồng, đạt 3,09%.

1.3. Vốn nước ngoài (ODA): Chưa giải ngân.

2. Đối với kế hoạch vốn kéo dài năm 2022 sang năm 2023 là: Đã giải ngân được 148,4 tỷ đồng/349,5 tỷ đồng, đạt 42,4%.

3. Tiến độ thực hiện các dự án trong năm 2023:

3.1. Tiến độ thực hiện các dự án chuyển tiếp năm 2022 và khởi công mới năm 2023:

- Số dự án khởi công mới trong năm 2022 chuyển tiếp thực hiện trong năm 2023 là 79 dự án. Số vốn phân bổ trong năm 2023 là 1.048,9 tỷ đồng, đã giải ngân 347,4 tỷ đồng, đạt 33,12%.

- Số dự án khởi công mới trong năm 2023 là 05 dự án, trong đó: 03 dự án đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương và 02 dự án đầu tư từ nguồn ngân sách Trung ương. Có 02 dự án tổ chức lựa chọn nhà thầu, 03 dự án đang thi công. Tỷ lệ giải ngân các dự án khởi công mới đến ngày 30/5/2023: 7,4 tỷ đồng/62,5 tỷ đồng, đạt 11,9%.

3.2. Tiến độ thực hiện nhiệm vụ, dự án sử dụng nguồn vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội:

Đến nay, đã giao chi tiết kế hoạch đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương năm 2023 đối với danh mục, nhiệm vụ, dự án thuộc chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội) với số tiền 254,9 tỷ đồng, để thông báo sau 7,1 tỷ đồng. Các dự án sử dụng nguồn vốn phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội đã giải ngân 15,3 tỷ đồng/262 tỷ đồng, đạt 5,84%. Tình hình thực hiện các dự án cụ thể như sau:

- Có 04 dự án thực hiện lập hồ sơ thiết kế, thiết kế bản vẽ thi công - dự toán, gồm: Dự án Đầu tư xây mới, cải tạo nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm kiểm soát bệnh tật (CDC) tỉnh Đắk Nông; Dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo 09 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Đắk Nông; Dự án đầu tư nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 08 Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Đắk Nông; Dự án Đầu tư, phát triển Trường Cao đẳng Cộng đồng Đắk Nông;

- Có 01 dự án đang thi công, cụ thể là dự án Sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa nước.

3.3. Tiến độ thực hiện một số dự án đầu tư công trọng điểm

(1) Dự án Đường Đạo Nghĩa - Quảng Khê giai đoạn 2: Có tổng mức đầu tư là 830 tỷ đồng từ nguồn ngân sách trung ương và nguồn ngân sách địa phương. Kế hoạch vốn được giao năm 2023 đến kỳ báo cáo là 150 tỷ đồng từ nguồn ngân sách trung ương. Đến ngày 30/5/2023, dự án đã giải ngân được 16,9 tỷ đồng/150 tỷ đồng, đạt 10,3%.

Hiện nay, dự án đang tổ chức thi công đối với các đoạn tuyến đã được bàn giao mặt bằng; đồng thời phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện công tác giải phóng mặt bằng các đoạn còn lại. Tuy nhiên, hiện nay dự án đang được xác

định nằm trong khu vực có quy hoạch thăm dò bô xít nên không thể xác nhận đăng ký khai thác đất dẫn đến đã dừng thi công nền đường, chỉ thi công một số hạng mục bê tông, việc này làm ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân của dự án.

(2) Dự án Nâng cấp bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Nông: Có tổng mức đầu tư 753 tỷ đồng từ nguồn ngân sách trung ương và nguồn ngân sách địa phương. Kế hoạch vốn được giao năm 2023 đến kỳ báo cáo là 130 tỷ đồng. Đến ngày 30/5/2023, dự án đã giải ngân được 49,7 tỷ đồng/130 tỷ đồng, đạt 38,2%.

Dự án đang được triển khai thi công theo tiến độ đã phê duyệt. Tuy nhiên tại hạng mục sửa chữa, cải tạo các khoa hiện hữu, do các khoa đang hoạt động khám chữa bệnh nên nhà thầu không thể triển khai đồng loạt mà phải thi công theo hình thức cuốn chiếu và chờ bệnh viện bố trí sắp xếp bàn giao mặt bằng nên cũng ảnh hưởng đến công tác sửa chữa, cải tạo các khoa hiện hữu.

(3) Dự án Quảng trường trung tâm thành phố Gia Nghĩa: Có tổng mức đầu tư 400 tỷ đồng từ nguồn ngân sách trung ương, thời gian thực hiện dự án 2022-2025. Kế hoạch vốn được giao năm 2023 đến kỳ báo cáo là 110 tỷ đồng. Đến ngày 30/5/2023, dự án đã giải ngân được 89,7 tỷ đồng/110 tỷ đồng, đạt 81,5%.

Hiện nay, dự án đang tổ chức thi công hạng mục móng và kết cấu Trung tâm hội chợ triển lãm đáp ứng tiến độ đề ra, khối lượng thực hiện ước đạt 12% giá trị hợp đồng. Bên cạnh đó, dự án đang được hoàn thiện các thủ tục, hồ sơ liên quan để xin cấp phép khai thác đất tại dự án Khu tái định cư B để sử dụng làm đất đắp cho dự án. Tuy nhiên, qua kiểm tra thực địa, khu vực cấp phép khai thác được xác định nằm trong quy hoạch khai thác khoáng sản bô xít nên đã đề xuất lựa chọn đơn vị tư vấn khảo sát, thăm dò quặng bô xít. Hiện nay, đã có đơn vị lập sơ bộ đề cương nhiệm vụ, khối lượng, dự toán và dự kiến thời gian thực hiện công tác khảo sát, đánh giá trữ lượng bô xít tại khu vực trên nhưng chưa có cơ sở để tổ chức thực hiện và nếu thực hiện theo phương án này cũng mất rất nhiều thời gian, như vậy sẽ làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công của dự án.

(4) Dự án Di dời, tái định cư cho 212 hộ dân ở khu vực trung tâm thị xã Gia Nghĩa (nay là thành phố Gia Nghĩa): Có tổng mức đầu tư 400 tỷ đồng từ nguồn ngân sách tỉnh. Kế hoạch vốn được giao năm 2023 đến kỳ báo cáo là 119,1 tỷ đồng. Đến ngày 30/5/2023, dự án đã giải ngân được 4,2 tỷ đồng/119,1 tỷ đồng, đạt 3,5%. Do nguồn thu sử dụng đất chưa đạt nên chưa có kinh phí nhập tabmis để đơn vị giải ngân theo kế hoạch.

Khối lượng thi công của dự án đến thời điểm hiện tại đạt 70% so với khối lượng hợp đồng đã ký kết, bao gồm: Đắp đất nền đường, san nền, thi công hệ thống thoát nước, thi công hệ thống rãnh ngầm.

(5) Dự án Hồ Gia Nghĩa: Có tổng mức đầu tư là 785 tỷ đồng, được tách thành 02 tiểu dự án. Kế hoạch vốn được giao năm 2023 đến kỳ báo cáo là 9,9 tỷ đồng. Dự án hiện chưa giải ngân.

Đến nay, đã có 309/342 hộ dân nhận tiền và bàn giao mặt bằng. Dự án gồm 02 gói thầu xây lắp đến nay đã thi công được khoảng 95% giá trị hợp đồng, phần khối lượng còn lại do vướng mặt bằng nên đang dừng thi công.

(6) Dự án Khu liên hợp bảo tàng, Thư viện và Công viên tỉnh Đắk Nông: Có tổng mức đầu tư 124,7 tỷ đồng từ nguồn ngân sách địa phương. Kế hoạch vốn được giao năm 2023 đến kỳ báo cáo là 5 tỷ đồng. Dự án hiện chưa giải ngân.

Công tác giải phóng mặt bằng của dự án chưa được giải quyết dứt điểm nên chưa có mặt bằng để tổ chức thi công hoàn thành theo đúng tiến độ; cụ thể đến nay dự án còn 05 hộ đã nhận tiền, chưa bàn giao mặt bằng; 07 hộ chưa đồng ý nhận tiền; 01 hộ đã thẩm định chưa phê duyệt phương án; 01 hộ không phối hợp kê khai đo đạc, kiểm đếm; 03 hộ chưa lập phương án; như vậy, đến nay dự án còn 17 hộ chưa đồng ý phối hợp trong công tác giải phóng mặt bằng.

IV. Nguyên nhân giải ngân chậm:

- Năm 2022 có đến 79 dự án khởi công mới, do đó chủ yếu giải ngân kế hoạch vốn năm 2022 trên cơ sở tạm ứng hợp đồng, chưa có khối lượng để nghiệm thu thanh toán khối lượng hoàn thành. Vì vậy, những tháng đầu năm các chủ đầu tư đang khẩn trương triển khai đầu tư xây dựng, nghiệm thu khối lượng hoàn thành để hoàn ứng theo quy định nên khối lượng giải ngân kế hoạch vốn năm 2023 đến nay tương đối chậm. Tuy nhiên, sẽ tăng mạnh giải ngân trong những tháng cuối năm.

- Nguồn thu sử dụng đất, nguồn thu xổ số kiến thiết để chi trực tiếp cho các dự án do cấp tỉnh quản lý còn thấp, chưa đảm bảo để nhập Tabmis cho dự án để triển khai thực hiện (*đến nay mới nhập được 28,3 tỷ đồng/ 211,2 tỷ đồng, chỉ đạt 13,4%*).

- Trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công hằng năm thì việc bố trí vốn cho các dự án cũng chưa phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công, một phần nguyên nhân là do việc hụt thu tiền sử dụng đất (*năm 2021 là 83 tỷ đồng, năm 2022 là 84,811 tỷ đồng*) và hụt thu nguồn xổ số kiến thiết năm 2022 là 1,7 tỷ đồng nên ảnh hưởng đến việc bố trí vốn cho các dự án nhóm C khởi công mới năm 2021 để hoàn thành trong năm 2023. Do vậy, một số dự án phải xin điều chỉnh kéo dài thời gian thực hiện. Và dự kiến trong quá trình xây dựng kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2024,

UBND tỉnh sẽ trình HĐND tỉnh cho phép kéo dài thời gian bố trí vốn theo Khoản 2, Điều 52 Luật Đầu tư công năm 2019.

- Việc đăng ký khối lượng, công suất, phạm vi khai thác đất trong dự án công trình theo quy định tại Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 còn vướng mắc trong quá trình thực hiện do tính chất của các công trình giao thông theo tuyến, phạm vi chiếm dụng đất để đào hoặc đắp theo chiều ngang liên tục thay đổi theo từng mặt cắt ngang, thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định vẫn còn chung chung chưa phân định rõ theo tính chất công trình giao thông (chủ yếu vướng mỏ vật liệu) nên việc hoàn thiện hồ sơ đăng ký còn gây nhiều lúng túng với các chủ đầu.

- Một số dự án trọng điểm đang thiếu nguồn đất đắp, hiện nay chưa có quy hoạch mỏ đất đắp trên địa bàn cũng như nguồn đất dôi dư để làm thủ tục cấp phép theo quy định của Luật khoáng sản, nên một số dự án vẫn chưa xác định được nguồn vật liệu đất đắp phục vụ cho công trình,...

- Việc thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng của UBND các huyện, thành phố còn nhiều vướng mắc, chưa bàn giao mặt bằng kịp thời cho nhà thầu thi công.

- Đối với các dự án vốn nước ngoài thực hiện giải ngân chậm: Do các dự án thường gồm nhiều hợp phần hoạt động phải có ý kiến của nhà tài trợ, các công tác đấu thầu, trao thầu xây lắp phải có thư không phản đối của nhà tài trợ, ngoài ra công tác tổng hợp chứng từ hồ sơ thanh toán để rút vốn nước ngoài mất nhiều thời gian.

V. Phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2023:

Với quyết tâm hoàn thành mục tiêu thực hiện và giải ngân với kết quả cao nhất kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023, góp phần quan trọng để hiện thực hóa các quan điểm, mục tiêu, các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2022, UBND tỉnh sẽ tiếp tục chỉ đạo các sở, ban, ngành, các chủ đầu tư thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Tập trung triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ, kịp thời, hiệu quả trong việc giải ngân vốn đầu tư công đảm bảo đúng tiến độ kế hoạch cam kết, nhất là các nhiệm vụ, biện pháp UBND tỉnh đã đề ra tại Công văn số 7315/UBND-KT ngày 15/12/2022, Chỉ thị số 01/CT-UBND ngày 19/01/2023 để phân đấu giải ngân trên 95% tổng kế hoạch vốn năm 2023. Và các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các văn bản chỉ đạo có liên quan của các cơ quan trung ương, Tỉnh ủy.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hiện trường, đôn đốc các nhà thầu thi công, tư vấn đẩy nhanh tiến độ; xử lý nghiêm theo quy định đối với các cá nhân, tổ chức cố tình gây khó khăn, cản trở, làm chậm tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn được giao.

- Chủ động phối hợp, xử lý, tháo gỡ vướng mắc cho các dự án được kịp thời, hiệu quả, đảm bảo theo thẩm quyền, trong đó cần phải tập trung giải quyết đúng các điểm nghẽn, nút thắt và phải có kết quả cuối cùng. Trường hợp vượt thẩm quyền phải báo cáo ngay cho UBND tỉnh xem xét, quyết định. Trường hợp cần thiết tham mưu UBND tỉnh làm việc với các bộ ngành trung ương để giải quyết vướng mắc phát sinh vượt thẩm quyền địa phương.

- Yêu cầu UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa phối hợp với các chủ đầu tư: Tập trung thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ tái định cư kịp thời cho người dân đảm bảo đúng quy định, đúng pháp luật, hài hòa lợi ích của Nhà nước và người dân. Tăng cường tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tổ chức đối thoại trực tiếp và vận động người dân nhằm tạo sự đồng thuận trong triển khai thực hiện các dự án được đảm bảo bàn giao mặt bằng theo tiến độ, nhất là các dự án trọng điểm của tỉnh và các dự án dự kiến hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng năm 2023; đồng thời, kiên quyết xử lý đối với các trường hợp cố tình chây ỳ, không hợp tác.

- Chỉ đạo cơ quan chức năng kịp thời tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn về nguồn vật liệu đất đắp, bãi thải... phục vụ cho các công trình trên địa bàn tỉnh, nhất là đối với các dự án trọng điểm của tỉnh. Kịp thời triển khai các chỉ đạo, hướng dẫn của trung ương liên quan đến quy trình cấp phép mỏ, khai thác nguyên vật liệu xây dựng cho dự án đầu tư công. Triển khai các giải pháp cụ thể để thực hiện, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương hoàn thành các khoản thu liên quan đến tiền sử dụng đất, nhằm đảm bảo nguồn thu sử dụng đất để kịp thời nhập nguồn cho các dự án được đầu tư từ nguồn sử dụng đất nhằm đảm bảo tiến độ thực hiện theo kế hoạch đề ra.

- Chỉ đạo cơ quan chức năng cập nhật, điều chỉnh công bố giá vật liệu xây dựng, chỉ số giá xây dựng theo quy định, làm cơ sở điều chỉnh gói thầu, điều chỉnh dự án; triển khai các biện pháp kiểm soát tình trạng biến động giá nguyên, vật liệu xây dựng; xử lý nghiêm các hành vi đầu cơ, nâng giá trục lợi.

- Yêu cầu các chủ đầu tư theo dõi, đôn đốc các đơn vị thi công tăng ca, tập trung nhân lực và máy móc thiết bị, tranh thủ điều kiện thời tiết thuận lợi để đẩy nhanh tiến độ thi công; thực hiện công tác nghiệm thu, lập hồ sơ thanh toán ngay khi có khối lượng hoàn thành.

Phần II:
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU
QUỐC GIA NĂM 2023

I. Kết quả thực hiện 03 chương trình MTQG 06 tháng đầu năm

1. Công tác xây dựng chính sách, quản lý tổ chức thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia

Thực hiện Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG), đến nay, tỉnh đã ban hành:

- Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện các chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 (*Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022; Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022; Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022; Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 14/12/2022*); Cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình MTQG, giữa các chương trình MTQG và các chương trình, dự án khác; tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù (*Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 14/12/2022*); Quy định về nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất thuộc các chương trình MTQG (*Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 25/4/2023*); Quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (*Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND ngày 25/4/2023*)

UBND tỉnh đã ban hành Quy định cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ để luân chuyển trong cộng đồng theo từng dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia (*Quyết định số 05/2023/QĐ-UBND ngày 31/01/2023*); Quyết định quy định cơ chế phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình MTQG (*Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND ngày 25/10/2022*); Ban hành danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù thuộc chương trình MTQG (*Quyết định số 1703/QĐ-UBND ngày 18/10/2022*); Ban hành thiết kế mẫu - thiết kế điển hình đối với các dự án được áp dụng cơ chế đặc thù thuộc chương trình MTQG (*Quyết định số 106/QĐ-UBND ngày 03/02/2023*); Chỉ thị số 08/CT-UBND ngày 19/7/2022 về việc đẩy nhanh việc triển khai thực hiện các chương trình MTQG.

Hiện còn 03 nhiệm vụ ban hành văn bản chưa hoàn thành; cụ thể: (1) Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định cơ chế huy động các nguồn lực khác thực

hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và cơ chế hỗ trợ thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025 (sẽ trình HĐND tỉnh ban hành trong kỳ họp gần nhất); (2) Quyết định chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án; (3) Quy định việc quản lý, vận hành công trình; quy trình bảo trì, mức chi phí bảo trì công trình (hiện đang triển khai xây dựng).

Ngoài ra, UBND tỉnh ban hành các kế hoạch triển khai thực hiện 03 chương trình MTQG giai đoạn 5 năm và hằng năm để các đơn vị có cơ sở triển khai thực hiện.

Nhìn chung, đến nay tỉnh đã hoàn thiện khung văn bản pháp lý để triển khai thực hiện các chương trình theo các văn bản chỉ đạo của Trung ương và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

2. Công tác thông tin, tuyên truyền

Thời gian qua, các hoạt động truyền thông, tuyên truyền về các nội dung, nhiệm vụ của các chương trình mục tiêu quốc gia đã được cấp ủy, chính quyền các cấp quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai sâu rộng, đa dạng với nhiều hình thức như: Tổ chức tuyên truyền, phổ biến cách làm hay, sáng tạo; tổ chức học tập kinh nghiệm đối với các mô hình kinh tế giỏi; kịp thời biểu dương các điển hình tiên tiến, các sáng kiến, kinh nghiệm tốt,... Từ đó, nâng cao chất lượng các phong trào như: Thi đua xây dựng nông thôn mới, phong trào chung tay vì người nghèo, không để ai bị bỏ lại phía sau, góp phần thực hiện các mục tiêu của Chương trình mục tiêu quốc gia. Với sự vào cuộc của hệ thống chính trị, các tổ chức, địa phương, đơn vị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các đoàn thể chính trị - xã hội, các cơ quan thông tin đại chúng, nhất là hệ thống báo, đài... đã tác động lớn, góp phần lan tỏa các nội dung thực hiện Chương trình MTQG trên địa bàn toàn tỉnh.

Đồng thời, công tác tuyên truyền được cụ thể hóa trên các sản phẩm báo in, báo ảnh và báo điện tử và các phương tiện thông tin đại chúng khác nhau nhằm đa dạng hóa cách tiếp cận thông tin cho cộng đồng dân cư để phù hợp với từng đối tượng khác nhau. Việc tuyên truyền về tiềm năng, thế mạnh, các chính sách thu hút đầu tư phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của địa phương; phổ biến, kiến thức pháp luật, các kinh nghiệm phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo vào cuộc sống, nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, phát triển, sử dụng nguồn nhân lực ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số,... Từ đó, góp phần bảo tồn, phát huy những giá trị đặc sắc, các giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc trong thời kỳ hội nhập và phát triển.

3. Về công tác kiểm tra, giám sát

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 660/KH-UBND ngày 14/11/2022 về giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 128/KH-UBND ngày 07/3/2023 về giám sát việc triển khai thực hiện 3 chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh năm 2023; Kế hoạch số 629/KH-UBND ngày 28/10/2022 về giám sát, đánh giá thực hiện chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông để các đơn vị tổ chức thực hiện. Công tác kiểm tra, giám sát trong thời gian qua được các cơ quan, đơn vị từ cấp tỉnh đến cơ sở quan tâm triển khai thực hiện nhằm hướng dẫn thực hiện, tháo gỡ vướng mắc, khó khăn, kịp thời phát hiện và khắc phục các sai sót trong quá trình thực hiện Chương trình, góp phần hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

4. Tình hình giao dự toán vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình năm 2022 và năm 2023

4.1. Vốn ngân sách nhà nước năm 2022:

Ngày 28/5/2022, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 653/QĐ-TTg về việc giao dự toán ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện 3 chương trình mục tiêu quốc gia; được HĐND tỉnh giao mục tiêu, nhiệm vụ và phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện 03 chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2022 tại Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 28/6/2022 và được điều chỉnh tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 14/12/2022. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh giao dự toán ngân sách nhà nước thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông tại Quyết định số 1078/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 và được điều chỉnh tại Quyết định số 2185/QĐ-UBND ngày 22/12/2022, với tổng dự toán là 758,375 tỷ đồng; trong đó: Nguồn ngân sách trung ương là 584,753 tỷ đồng (*vốn đầu tư phát triển là 450,863 tỷ đồng, vốn sự nghiệp là 133,890 tỷ đồng*) và nguồn ngân sách địa phương là 173,622 tỷ đồng (*ngân sách tỉnh là 43,038 tỷ đồng và ngân sách huyện là 130,584 tỷ đồng*).

Về việc kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023 nguồn vốn nguồn ngân sách thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia chưa giải ngân hết trong năm 2022:

- Ngân sách trung ương: Tổng nguồn vốn đầu tư và sự nghiệp thực hiện 03 chương trình MTQG năm 2022 (*bao gồm cả kế hoạch năm 2021 được kéo dài sang năm 2022*) đã được Quốc hội cho phép kéo dài thời gian thực hiện

và giải ngân đến hết ngày 31/12/2023 tại Nghị quyết số 69/2022/QH15 ngày 11/11/2022 trên địa bàn tỉnh là 450,806/584.753 tỷ đồng; trong đó: nguồn vốn đầu tư: 349,531/450,863 tỷ đồng, nguồn vốn sự nghiệp⁽²⁾ là 101,275/133,890 tỷ đồng.

- Ngân sách địa phương⁽³⁾: Đến hết năm 2022, toàn tỉnh mới bố trí vốn đối ứng được 63,060 tỷ đồng từ nguồn vốn đầu tư; trong đó: ngân sách tỉnh 6,400 tỷ đồng, ngân sách cấp huyện 56,660 tỷ đồng (*đã bao gồm huyện Đắk Mil bố trí vượt hạn mức được giao là 20,420 tỷ đồng*); trong đó: (1) Cấp tỉnh: đã bố trí 6,400 tỷ đồng để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, còn lại Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (7,419 tỷ đồng) và Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (10,113 tỷ đồng) chưa bố trí. (2) Cấp huyện: đã bố trí 56,660/107,338 tỷ đồng. Còn lại 91,975 tỷ đồng chưa bố trí, gồm có: ngân sách tỉnh 17,532 tỷ đồng, ngân sách cấp huyện 74,443 tỷ đồng.

Qua triển khai thực hiện, đã giải ngân với số tiền là 27,019/63,060 tỷ đồng từ nguồn ngân sách cấp huyện. Còn lại 36,041 tỷ đồng (*gồm: ngân sách tỉnh 6,400 tỷ đồng, ngân sách cấp huyện 29,641 tỷ đồng*) đã được HĐND tỉnh cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023 tại Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 25/4/2023.

4.2. Vốn ngân sách nhà nước năm 2023:

Ngày 02/12/2022, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1506/QĐ-TTg về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023; HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 về giao mục tiêu, nhiệm vụ và phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện 03 chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2023. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 thực hiện 03 chương trình MTQG tại Quyết định số 2115/QĐ-UBND ngày 15/12/2022, với tổng dự toán là 1.118,737 tỷ đồng; trong đó:

- Nguồn ngân sách trung ương là: 889,640 tỷ đồng; bao gồm vốn đầu tư phát triển là 546,290 tỷ đồng, vốn sự nghiệp là 343,350 tỷ đồng và

- Nguồn ngân sách địa phương là 229,097 tỷ đồng; trong đó: vốn đầu tư là 156,911 tỷ đồng (*ngân sách tỉnh là 35,654 tỷ đồng, ngân sách huyện là*

² Cụ thể: Cấp tỉnh 20,977/28,855 tỷ đồng; cấp huyện 80,298/105,035 tỷ đồng, gồm có: huyện Krông Nô 9,729 tỷ đồng; huyện Cư Jút 2,280 tỷ đồng; huyện Đắk Mil 6,614 tỷ đồng; huyện Đắk Song 2,346 tỷ đồng; huyện Tuy Đức 22,118 tỷ đồng; huyện Đắk Rlấp 7,386 tỷ đồng; huyện Đắk Glong 25,694 tỷ đồng; thành phố Gia Nghĩa 4,131 tỷ đồng.

³ Đã được UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh tại Tờ trình số 1935/TTr-UBND ngày 14/4/2023 và Báo cáo số 261/BC-UBND ngày 24/4/2023.

121,257 tỷ đồng), vốn sự nghiệp là 72,186 tỷ đồng (*ngân sách tỉnh là 16,888 tỷ đồng, ngân sách huyện là 20,303 tỷ đồng và còn lại 34,995 tỷ đồng đang hoàn thiện hồ sơ, thủ tục để giao chi tiết*).

Như vậy, tổng nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022 và năm 2023 thực hiện trong năm 2023 là 1.877,120 tỷ đồng; trong đó:

- Nguồn ngân sách trung ương là 1.474,393 tỷ đồng; bao gồm vốn đầu tư phát triển là 997,153 tỷ đồng, vốn sự nghiệp là 477,240 tỷ đồng.

- Nguồn ngân sách địa phương là 402,719 tỷ đồng; trong đó, vốn đầu tư phát triển là 288,181 tỷ đồng (*ngân sách tỉnh là 59,586 tỷ đồng và ngân sách huyện là 228,595 tỷ đồng*), vốn sự nghiệp là 114,538 tỷ đồng (*ngân sách tỉnh là 35,994 tỷ đồng, ngân sách huyện là 43,549 tỷ đồng và còn lại 34,995 tỷ đồng đang hoàn thiện hồ sơ, thủ tục để giao chi tiết*).

5. Kết quả bố trí vốn đối ứng thực hiện 03 Chương trình MTQG

5.1. Vốn ngân sách nhà nước năm 2022

Theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 28/6/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 1078/QĐ-UBND ngày 30/6/2022, Quyết định số 2185/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND tỉnh thì tổng kinh phí năm 2022 đối ứng thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia là 173,63 tỷ đồng; trong đó, vốn đầu tư 131,27 tỷ đồng (*ngân sách tỉnh là 23,932 tỷ đồng, ngân sách cấp huyện là 107,338 tỷ đồng*), vốn sự nghiệp là 42,796 tỷ đồng (*ngân sách tỉnh là 19,55 tỷ đồng, ngân sách cấp huyện là 23,246 tỷ đồng*). Cụ thể:

- Lũy kế đã bố trí đến nay là 96,528 tỷ đồng; trong đó: vốn đầu tư là 63,089 tỷ đồng (*ngân sách tỉnh là 6,4 tỷ đồng, ngân sách cấp huyện là 56,689 tỷ đồng (không bao gồm huyện Đắk Mil bố trí vượt hạn mức được giao là 20,42 tỷ đồng)*); vốn sự nghiệp là 33,439 tỷ đồng (*ngân sách tỉnh là 19,55 tỷ đồng, ngân sách cấp huyện là 13,889 tỷ đồng*).

- Còn lại 77,538 tỷ đồng chưa bố trí; trong đó, vốn đầu tư là 68,181 tỷ đồng (*ngân sách tỉnh là 17,532 tỷ đồng, ngân sách cấp huyện là 50,649 tỷ đồng*); vốn sự nghiệp là 9,357 tỷ đồng ngân sách huyện sẽ được tiếp tục bố trí thực hiện trong thời gian tới đảm bảo theo quy định.

5.2. Vốn ngân sách nhà nước năm 2023:

Theo Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 2115/QĐ-UBND ngày 15/12/2022 của UBND tỉnh ban hành về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và dự toán ngân sách nhà nước thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2023 thì tổng

ngân sách địa phương đối ứng thực hiện 03 chương trình MTQG là 229,097 tỷ đồng; trong đó: vốn đầu tư là 156,911 tỷ đồng (*ngân sách tỉnh là 35,654 tỷ đồng, ngân sách huyện là 121,257 tỷ đồng*), vốn sự nghiệp là 72,186 tỷ đồng (*ngân sách tỉnh là 16,888 tỷ đồng, ngân sách huyện là 20,303 tỷ đồng*).

Đến nay đã bố trí là 131,109 tỷ đồng; trong đó, vốn đầu tư là 102,383 tỷ đồng (*ngân sách tỉnh là 35,654 tỷ đồng, ngân sách huyện là 66,807 tỷ đồng*), vốn sự nghiệp là 28,726 tỷ đồng (*ngân sách tỉnh là 16,888 tỷ đồng, ngân sách huyện là 11,838 tỷ đồng*), cụ thể:

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 32,958 tỷ đồng; trong đó, vốn đầu tư là 15,161 tỷ đồng, vốn sự nghiệp là 17,797 tỷ đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 22,45 tỷ đồng; trong đó, vốn đầu tư là 11,521 tỷ đồng, vốn sự nghiệp là 10,929 tỷ đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 75,701 tỷ đồng; trong đó, vốn đầu tư là 75,701 tỷ đồng.

Còn lại 60,731 tỷ đồng từ nguồn ngân sách huyện sẽ được các địa phương tiếp tục bố trí thực hiện trong thời gian tới đảm bảo theo quy định.

(Chi tiết như các Phụ lục II-a, II-b kèm theo)

6. Kết quả giải ngân

Đến ngày 31/5/2023, lũy kế giải ngân giải ngân vốn 03 Chương trình MTQG là 243,744 tỷ đồng, đạt 13,0%; trong đó, giải ngân vốn ngân sách nhà nước năm 2022 được kéo dài thực hiện trong năm 2023 là 223,103 tỷ đồng, đạt 27,9% (*vốn đầu tư là 175,801 tỷ đồng, vốn sự nghiệp là 47,302 tỷ đồng*); giải ngân nguồn vốn năm 2023 là 20,641 tỷ đồng, đạt 1,85% (*vốn đầu tư là 19,230 tỷ đồng, vốn sự nghiệp là 1,411 tỷ đồng*). Cụ thể:

6.1. Vốn ngân sách nhà nước năm 2022 được kéo dài thực hiện sang năm 2023:

- Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 58,598 tỷ đồng; trong đó, vốn đầu tư là 46,362 tỷ đồng, vốn sự nghiệp là 10,689 tỷ đồng

- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 66,746 tỷ đồng; trong đó, vốn đầu tư là 59,965 tỷ đồng, vốn sự nghiệp là 6,780 tỷ đồng.

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 97,760 tỷ đồng; trong đó, vốn đầu tư là 54,362 tỷ đồng, vốn sự nghiệp là 29,833 tỷ đồng.

6.2. Nguồn vốn năm 2023:

- Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 3,682 tỷ đồng; trong đó, vốn đầu tư là 3,021 tỷ đồng, vốn sự nghiệp là 0,562 tỷ đồng

- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 0,849 tỷ đồng từ vốn sự nghiệp.

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 16,11 tỷ đồng từ nguồn vốn đầu tư.

(Chi tiết như phụ lục II-c kèm theo)

II. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

1. Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

- Một số nơi, địa phương thực hiện công tác quán triệt, tuyên truyền còn chưa kịp thời và chỉ dừng lại ở những vấn đề chung chung, thiếu chiều sâu dẫn đến một bộ phận cán bộ, đảng viên và Nhân dân chưa hiểu rõ, hiểu đúng, hiểu đủ mục tiêu, nội dung của Chương trình. Công tác phối hợp giữa các ngành, các cấp đôi khi còn chông chéo, một số ngành chưa thực sự giành nhiều thời gian, quan tâm đến việc thực hiện Chương trình.

- Việc huy động nguồn lực cho Chương trình còn nhiều khó khăn, ngân sách đầu tư của nhà nước còn quá thấp so với yêu cầu; ngân sách Trung ương hỗ trợ trực tiếp cho Chương trình còn hạn chế, trong khi đó ngân sách tỉnh còn nhiều khó khăn; vốn huy động trong Nhân dân hạn chế. Do đó, gặp khó khăn trong việc triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình.

- Hiện nay tại các xã đặc biệt khó khăn đang được sự quan tâm, ưu tiên đầu tư rất lớn từ ngân sách Nhà nước, vì vậy tại một số xã, một số hộ gia đình đang có tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự đầu tư của Nhà nước, thiếu đi sự chủ động, phấn đấu vươn lên để thoát nghèo; làm ảnh hưởng rất lớn đến việc triển khai thực hiện Chương trình, nhất là đối với tiêu chí số 11 về hộ nghèo. Do đó kết quả đạt được ở đây có sự chuyển biến chậm và chênh lệch ngày càng lớn đối với các địa phương khác.

- Việc bố trí cán bộ phụ trách công tác tham mưu xây dựng nông thôn mới ở các cấp, nhất là ở cấp huyện và cấp xã còn bất cập, chủ yếu là làm kiêm nhiệm; trình độ năng lực cán bộ ở một số địa phương chưa đáp ứng yêu cầu và thường xuyên có sự thay đổi, luân chuyển cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới, đồng thời chưa có chính sách, chế độ đãi ngộ để khích lệ tinh thần và yên tâm công tác nên vấn đề tham mưu thực hiện Chương trình chưa cao, thiếu chiều sâu.

- Đến nay toàn tỉnh đã có 01 đơn vị cấp huyện được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và có 35/60 được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; tuy nhiên, đa số các xã đều mới đạt được ở mức tối thiểu so với quy định của Bộ tiêu chí giai đoạn 2016-2020. Vì vậy, sau khi rà soát, đánh giá sơ bộ theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025 hầu như tất cả các xã đều chưa đảm bảo các tiêu chí theo yêu cầu, giảm tiêu chí đã được.

2. Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững

Theo quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, UBND tỉnh ban hành và trình HĐND tỉnh ban hành các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định.

3. Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Trong quá trình tổ chức thực hiện chương trình, nguồn vốn chương trình năm 2022 được Trung ương phân bổ vào cuối tháng 5 và tỉnh phân bổ kịp thời đúng thời gian quy định (trước ngày 01/7/2022); tuy nhiên, các văn bản hướng dẫn của các bộ, ngành trung ương chậm được ban hành, địa phương khó khăn trong việc thực hiện.

Hiện nay, còn một số văn bản về cơ chế, chính sách, định mức hỗ trợ thực hiện các nội dung dự án thành phần thuộc chương trình thuộc thẩm quyền ban hành của trung ương chưa được ban hành cụ thể, như: Định mức và hình thức hỗ trợ các dân tộc gặp nhiều khó khăn (Dự án 9); Bộ tài liệu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ triển khai chương trình các cấp và cộng đồng (dự án 5); Thực hiện tiểu dự án 1, dự án 10 về biểu dương tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín, trong đó có các chính sách hỗ trợ cho đối tượng là già làng, đội ngũ cốt cán chưa được trung ương hướng dẫn về tiêu chí lựa chọn công nhận làm cơ sở thực hiện chính sách; Tiểu dự án 2 của Dự án 10 về ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số chưa được Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn, do vậy, chưa có cơ sở để triển khai thực hiện tại địa phương.

Ngày 23/02/2023, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 04/2023/QĐ-TTg; trong đó, tại khoản 2 Điều 5 quy định: “2. Đối với trường hợp hỗ trợ trực tiếp cho hộ gia đình và không theo dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt, thực hiện theo cơ chế đặc thù được cấp có thẩm quyền quyết định”. Tuy nhiên, việc hỗ trợ trực tiếp cho hộ gia đình theo khoản 2 Điều 5 Quyết định trên chưa thể thực hiện được do cơ chế đặc thù chưa được cấp có thẩm quyền quyết định.

Ngoài ra, thực hiện quy định về phân cấp, tỉnh Đắk Nông đã phân cấp cho cơ sở thực hiện Chương trình, tuy nhiên việc triển khai thực hiện ở cơ sở gặp nhiều khó khăn, do việc nắm bắt quy định và năng lực tổ chức triển khai thực hiện ở cơ sở, nhất là ở cấp xã còn khó khăn hạn chế.

III. Phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2023

- Tăng cường quán triệt, thông tin, truyền thông, phổ biến pháp luật, hướng dẫn cho cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp, người dân về các chương trình mục tiêu quốc gia nhằm nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận và phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội trong triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Tiếp tục đôn đốc các đơn vị khẩn trương xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách để kịp thời ban hành theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ để tổ chức thực hiện 03 Chương trình MTQG và các quy định liên quan đến từng chương trình.

- Thường xuyên theo dõi, kịp thời nắm bắt tiến độ triển khai thực hiện của các đơn vị, địa phương để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các đơn vị thực hiện; tăng cường phân cấp, trao quyền, tạo sự chủ động cho cơ sở; trong quá trình thực hiện phải đảm bảo nguyên tắc dân chủ, công khai và minh bạch; tăng cường sự lồng ghép thực hiện các dự án. Đồng thời, trong quá trình triển khai thực hiện tăng cường huy động các nguồn lực hợp pháp khác để triển khai thực hiện đạt hiệu quả.

- Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các ngành, các cấp, địa phương triển khai hiệu quả chương trình; bố trí vốn đối ứng thực hiện đảm bảo quy định; khẩn trương thực hiện tốt việc lập, thẩm định, phê duyệt dự án; đôn đốc các đơn vị đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, dự án thành phần, giải ngân những nội dung/hạng mục đã hoàn thành nghiệm thu theo quy định; phấn đấu đến cuối năm 2023 tỷ lệ giải ngân vốn của năm 2022 và năm 2023 đạt kết quả cao. Đồng thời, rà soát danh mục dự án đầu tư đảm bảo phù hợp với mục tiêu của từng chương trình.

- Chỉ đạo các đơn vị đẩy nhanh tiến độ giải ngân, phấn đấu giải ngân hết số vốn được phân bổ; kết quả giải ngân của các Chương trình MTQG được phân công theo dõi là căn cứ chủ yếu để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ cuối năm. Trường hợp không hoàn thành kế hoạch giải ngân theo tiến độ đề ra sẽ kiểm điểm trách nhiệm của tập thể, người đứng đầu, cá nhân liên quan.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát thực hiện Chương trình định kỳ hoặc đột xuất để kịp thời nắm bắt khó khăn và tháo gỡ để các đơn vị triển khai thực hiện.

- Tiếp tục kiến nghị cấp thẩm quyền xem xét, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để triển khai thực hiện 03 chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh đạt kết quả.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư phát triển 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2023. Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo để HĐND tỉnh xem xét, chỉ đạo /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc VN tỉnh;
- Các Ban đảng thuộc Tỉnh ủy;
- Các tổ chức chính trị - xã hội;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT. 32

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]
Lê Văn Chiến

Phụ lục I

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2023 ĐẾN NGÀY 31/5/2023

(Kèm theo Báo cáo số 377/BC-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2023 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chương trình/ngành, lĩnh vực	Tổng	Kế hoạch vốn các năm 2022 chuyển sang năm 2023	Kế hoạch vốn được giao năm 2023						Tình hình giải ngân đến ngày 31/5/2023			Tỷ lệ giải ngân				Ghi chú
				Tổng kế hoạch vốn được giao năm 2023	Trong nước	Nước ngoài	Trong đó			Tổng	Kế hoạch vốn năm 2023	Kế hoạch vốn năm 2022 chuyển sang năm 2023	Tổng	Kế hoạch vốn giao năm 2023	Kế hoạch vốn giao năm 2023 đã phân bổ	Kế hoạch vốn năm 2021 chuyển sang năm 2022	
							Số vốn đã phân bổ	Tỷ lệ phân bổ	Số vốn chưa phân bổ								
1	2	3=4+5	4	5	6	7	8	9=8/5	10=5-8	11=12+13	12	13	14=11/3	15=12/5	16=12/8	17=13/4	18
	TỔNG SỐ	3.822.694	349.531	3.473.163	1.423.543	125.730	3.248.112	93,5%	225.051	833.668,9427	685.297	148.372	21,8%	19,73%	21,10%	42,4%	
I	Vốn ngân sách nhà nước	3.822.694	349.531	3.473.163	1.423.543	125.730	3.248.112	93,5%	225.051	833.669	685.297	148.372	21,8%	19,73%	21,1%	42,4%	
1	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương	1.423.543		1.423.543	1.423.543		1.284.343	90,2%	139.200	345.287	345.287		24,3%	24,3%	26,9%		
2	Nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ	2.273.421	349.531	1.923.890	-	-	1.916.769	99,6%	7.121	488.382	340.010	148.372	21,5%	17,67%	17,74%		
2.1	Nguồn ngân sách Trung ương trong nước	1.115.600		1.115.600			1.115.600	100,0%	-	307.850	307.850		27,6%	27,6%	27,6%		
2.2	Nguồn hỗ trợ đối với danh mục nhiệm vụ thuộc chương trình phục hồi và phát triển Kinh tế - xã hội	262.000		262.000			254.879	97,3%	7.121	15.299	15.299		5,8%	5,84%	6,00%		
2.3	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	895.821	349.531	546.290	-	-	546.290	100,0%	-	165.233	16.861	148.372	18,4%	3,09%	3,09%	42,4%	
2.3.1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	403.522	138.301	265.221			265.221	100,0%		49.383	3.021	46.362	12,2%	18,62%	1,14%	33,5%	



STT	Chương trình/ngành, lĩnh vực	Tổng	Kế hoạch vốn các năm 2022 chuyển sang năm 2023	Kế hoạch vốn được giao năm 2023						Tình hình giải ngân đến ngày 31/5/2023			Tỷ lệ giải ngân				Ghi chú
				Tổng kế hoạch vốn được giao năm 2023	Trong nước	Nước ngoài	Trong đó			Tổng	Kế hoạch vốn năm 2023	Kế hoạch vốn năm 2022 chuyển sang năm 2023	Tổng	Kế hoạch vốn giao năm 2023	Kế hoạch vốn giao năm 2023 đã phân bổ	Kế hoạch vốn năm 2021 chuyển sang năm 2022	
							Số vốn đã phân bổ	Tỷ lệ phân bổ	Số vốn chưa phân bổ								
2.3.2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	298.163	135.174	162.989			162.989	100,0%		58.897		58.897	19,8%	36%	0%	43,6%	
2.3.3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	194.136	76.056	118.080			118.080	100,0%		56.953	13.840	43.113	29,3%	48%	12%	56,7%	
4	Vốn nước ngoài (ODA)	125.730		125.730		125.730	47.000	37,38%	78.730	-	-		0,0%	0,0%	0,0%		

Phụ lục I-a

TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023 ĐẾN NGÀY 31/5/2023

(Kèm theo Báo cáo số 377/BC-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2023 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Trung hạn giai đoạn 2021-2025	Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2022	Kế hoạch vốn năm 2023	Kết quả giải ngân đến ngày 31/5/2023	Tỷ lệ giải ngân	Ghi chú
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT							
								Tổng số	NSĐP						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	13	14	15	16	17
	TỔNG CỘNG											1.423.543	345.286.690	24%	
A	NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT											735.400		0%	
I	Trích lập Quỹ phát triển đất											198.800		0%	
II	Trích lập quỹ đo đạc bản đồ cấp tỉnh (10% thu cấp tỉnh)											30.400		0%	
III	Phân cấp cho cấp huyện											322.000	56.175	17%	
IV	Đầu tư các dự án cấp tỉnh											184.200		0%	
IV.1	Bố trí cho các dự án đã quyết toán, hoàn thành							49.552	10.000	4.687	-	4.687		0%	
1	Các hoạt động kinh tế														
	<i>Giao thông</i>														
1.1	Đường giao thông từ trung tâm xã Thuận Hà đi Quốc lộ 14C huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông	7382405	292	UBND huyện Đắk Song	Đắk Song	2013-2015	1439/QĐ-UBND ngày 31/10/2012	49.552	10.000	4.687		4.687		0%	Bù hụt thu năm 2022
IV.2	Ngân sách trung ương dừng hỗ trợ							225.325		6.338	-	4.338		0%	
1	Các hoạt động kinh tế														
	<i>Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản</i>														
1.1	Công trình thủy lợi suối đá xã Quảng Hòa, huyện Đắk G'long	7609760	283	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Đắk G'Long	2018-2022	988/QĐ-UBND ngày 12/6/2017; 1975/QĐ-UBND ngày 29/12/2020	90.000		4.300		2.300		0%	Bù hụt thu năm 2022
	<i>Giao thông</i>														
1.2	Đường giao thông từ trung tâm thị trấn Kiến Đức đi liên xã Kiến Thành - Nghĩa Thắng, huyện Đắk R'lấp	7380136	292	UBND huyện Đắk R'lấp	Đắk R'lấp	2013-2017	1433/QĐ-UBND ngày 31/10/2012; 805/QĐ-CTUBND 05/4/2013; 3237/QĐ-CTUBND 18/11/2013	78.672		836		836		0%	Bù hụt thu năm 2022

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Trung hạn giai đoạn 2021-2025	Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2022	Kế hoạch vốn năm 2023	Kết quả giải ngân đến ngày 31/5/2023	Tỷ lệ giải ngân	Ghi chú	
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT							
								Tổng số							NSDP
1	Xây dựng nhà bộ môn, nhà đa năng, khu giáo dục thể chất và hạ tầng kỹ thuật Trường Phổ thông DTNT THCS & THPT huyện Tuy Đức	7873038	074	Sở Giáo dục và Đào tạo	Tuy Đức	2021-2023	302/QĐ-SXD ngày 02/12/2020	10.000	10.000	10.000	7.000	2.000	0%		
2	Cải tạo cơ sở 2 Trường Cao đẳng Cộng đồng Đắk Nông	7872842	093	Trường Cao đẳng cộng đồng tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa	2021-2023	328/QĐ-SXD ngày 10/12/2020	7.500	7.500	7.500	6.800	477	439	92%	220/QĐ-STC ngày 03/11/2022
3	Trường THPT Đắk Glong (giai đoạn 3), hạng mục: 08 phòng học bộ môn cùng trang thiết bị kèm theo; Khu thể dục thể chất và hệ thống tường rào xung quanh	7864320	074	Ban QLDA&PT quỹ đất huyện Đắk Glong	Đắk Glong	2021-2023	331/QĐ-SXD ngày 14/12/2020	10.000	10.000	10.000	6.500	2.000	0%		
I.2	Y tế, dân số và gia đình														
1	Nhà Đa khoa Kỹ thuật thuộc Trung tâm Y tế huyện Đắk R'Lấp	7863213	132	Sở Y tế	Đắk R'lấp	2021-2023	1904/QĐ-UBND ngày 22/12/2020	33.991	33.991	33.991	18.200	5.523	2.940	53%	
II	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023							67.300	67.300	60.181	14.342	17.000	0%		
II.1	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp														
1	Xây dựng nhà bộ môn, nhà đa năng, cải tạo khối phòng học 02 tầng thành nhà thư viện, khu giáo dục thể chất và hạ tầng kỹ thuật Trường THPT Lê Duẩn, huyện Đắk Glong	7873039	074	Sở Giáo dục và Đào tạo	Đắk Glong	2022-2024	303/QĐ-SXD ngày 02/12/2020	10.000	10.000	10.000	2.342	3.000	0%		
2	Xây dựng Hội trường, bể bơi Trường THPT Nguyễn Chí Thanh	7929757	074	Sở Giáo dục và Đào tạo	Gia Nghĩa	2022-2024	2352/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	10.000	10.000	9.043	2.000	3.000	2.393	80%	
II.2	Y tế, dân số và gia đình														
1	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm y tế huyện Đắk Song	7910026	132	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Đắk Song	2022-2024	2313/QĐ-UBND ngày 28/12/2021	30.300	30.300	26.537	5.000	6.000	2.882	48%	
2	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm y tế huyện Đắk Glong	7930049	132	Sở Y tế	Đắk Glong	2022-2024	1930/QĐ-UBND ngày 12/11/2021	5.000	5.000	5.000	1.500	1.500	0%		
II.3	Xã hội														
1	Xây dựng Nhà đa chức năng, nhà bảo vệ và hạ tầng kỹ thuật Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tỉnh Đắk Nông	7929756	398	Sở Giáo dục và Đào tạo	Gia Nghĩa	2022-2024	2119/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	12.000	12.000	9.601	3.500	3.500	0%		
C	NGUỒN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (I+II+III)										463.943		0%		
I	Phân cấp cho cấp huyện (30%)										139.183	77.330	56%		

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Trung hạn giai đoạn 2021-2025	Lũy kế bổ trí vốn đến hết năm 2022	Kế hoạch vốn năm 2023	Kết quả giải ngân đến ngày 31/5/2023	Tỷ lệ giải ngân	Ghi chú	
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT							
								Tổng số							NSDP
1	Huyện Cư Jút										17.346		0%		
2	Huyện Krông Nô										14.854		0%		
3	Huyện Đắk Glong										21.132		0%		
4	Huyện Đắk Mĩl										16.174		0%		
5	Huyện Đắk Song										14.389		0%		
6	Huyện Tuy Đức										20.181		0%		
7	Huyện Đắk R'lấp										16.120		0%		
8	Thành phố Gia Nghĩa										18.987		0%		
II	Đề lại đầu tư cấp tỉnh (70%)										324.760		0%		
II.1	Bổ trí thanh toán, quyết toán												0%		
I	Quốc phòng														
1.1	Xây dựng chốt chiến đấu dân quân thường trực tại xã biên giới Thuận Hạnh, huyện Đắk Song (công trình cấp bách)	7004686	011	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Đắk Song	2020-2021	279/QĐ-SXD ngày 09/11/2020; 6547/UBND-KTTH ngày 11/11/2021	1.169	1.169	1.169		1.169		0%	Bổ sung chi phí GPMB được UBND tỉnh thống nhất tại Công văn số 6547/UBND-KTTH ngày
1.2	Nhà khách, Khu huấn luyện thể dục thể thao eBB994 Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Nông	7004686	011	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Đắk Glong	2019-2021	208/QĐ-SXD 30/10/2018	7.950	7.950	1.043		1.043	1.035	99%	15/QĐ-STC ngày 29/01/2021
2	An ninh và trật tự, an toàn xã hội														
2.1	Hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở cán bộ, chiến sĩ Công an tỉnh Đắk Nông (Khu, hồ Đại La) hoàn thiện giai đoạn 1 và đường vào khu dự án	7004692	041	Công an tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa	2019-2021	213/QĐ-SXD 30/10/2018	10.889	10.889	1.512		1.512	1.484	98%	26/QĐ-STC ngày 02/3/2022
2.2	Sửa chữa, xây dựng khu nhà làm việc và nhà truyền thống - thư viện Công an tỉnh	7004692	041	Công an tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa	2019-2021	209/QĐ-SXD 30/10/2018	7.773	7.773	254		254	227	89%	157/QĐ-STC ngày 04/11/2021
2.3	Hỗ trợ Tiền thuê nhà cho các hộ dân bị thu hồi đất thuộc các dự án do Công an tỉnh làm chủ đầu tư	7004692	041	Công an tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa					2.826		2.826		0%	Được UBND tỉnh thống nhất hỗ trợ tại Công văn số 2194/UBND-KT ngày
3	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp														
3.1	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Bình Khiêm; hạng mục: Nhà lớp học bộ môn, nhà thư viện, bể nước PCCC và sân	7730618	074	Sở Giáo dục và Đào tạo	Cư Jút	2020	290/QĐ-SXD ngày 20/12/2018	7.750	752	27		27	27	100%	73/QĐ-STC ngày 4/5/2022

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Trung hạn giai đoạn 2021-2025	Lũy kế bổ trí vốn đến hết năm 2022	Kế hoạch vốn năm 2023	Kết quả giải ngân đến ngày 31/5/2023	Tỷ lệ giải ngân	Ghi chú	
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT							
								Tổng số							NSDP
3.2	Nhà ăn, nhà cầu nổi và ký túc xá Trường trung học phổ thông chuyên Nguyễn Chí Thanh	7730617	074	Sở Giáo dục và Đào tạo	Gia Nghĩa	2019-2021	289/QĐ-SXD ngày 18/12/2019	19.802	1.457	862	862	862	100%	09/QĐ-STC ngày 18/01/2022	
3.3	Trung tâm ngoại ngữ - tin học tỉnh Đắk Nông	7445946	075	Sở Giáo dục và Đào tạo	Gia Nghĩa	2015-2018	1359/QĐ-UBND ngày 12/9/2014	14.131	14.131	2	2		0%	11/QĐ-STC ngày 20/01/2020	
3.4	Trường trung học phổ thông chuyên tỉnh Đắk Nông (giai đoạn 2)	7387303	074	Sở Giáo dục và Đào tạo	Gia Nghĩa	2013-2020	2082/QĐ-UBND ngày 05/12/2013	67.475	46.462	251	251	251	100%	41/QĐ-STC ngày 10/03/2022	
3.5	Nhà công vụ giáo viên trường phổ thông dân tộc nội trú huyện Tuy Đức	7558581	074	Ban QLDA và PTQĐ huyện Tuy Đức	Tuy Đức	2016-2017	296/QĐ-UBND 18/3/2016	1.996	1.996	389	389	11	3%	1550/QĐ-UBND ngày 20/07/2020	
3.6	Trường phổ thông dân tộc nội trú huyện Tuy Đức (Giai đoạn 1)	7370482	074	Ban QLDA và PTQĐ huyện Tuy Đức	Tuy Đức	2012-2019	1776/QĐ-UBND ngày 20/11/2009; 416/QĐ-UBND ngày 25/3/2011; 1194/QĐ-UBND, ngày 21/9/2012	28.450	12.915	145	145	100	69%	214/QĐ-STC ngày 31/12/2021	
4	Y tế, dân số và gia đình														
4.1	Sửa chữa cục bộ một số hạng mục thuộc Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Nông	7597978	132	Sở Y tế	Gia Nghĩa	2017-2021	166/QĐ-SXD ngày 31/10/2016; 49/QĐ-SXD ngày 19/4/2017; 164/QĐ-SXD ngày 05/9/2018	8.572	8.572	645	645	449	70%	23/QĐ-STC ngày 22/02/2022	
4.2	Sửa chữa Bệnh viện đa khoa tỉnh phục vụ Đề án Bệnh viện vệ tinh	7661108	132	Sở Y tế	Gia Nghĩa	2018-2021	298/QĐ-SXD ngày 30/10/2017	4.763	4.763	42	42	24	57%	Số 22/QĐ-STC ngày 22/02/2022	
4.3	Trung tâm Y tế huyện Tuy Đức	7190579	132	Sở Y tế	Tuy Đức	2013-2015	1726/QĐ-UBND ngày 13/11/2009; 1423/QĐ-UBND ngày 31/10/2012	17.526	17.526	878	878	671	76%	223/QĐ-STC ngày 31/12/2021	
4.4	Trung tâm Y tế huyện Krông Nô	7190592	132	Sở Y tế	Krông Nô	2009-2012	1725/QĐ-UBND ngày 13/11/2009	10.977	10.977	422	422	332	79%	53/QĐ-STC ngày 28/03/2022	
4.5	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải cho 28 Trạm Y tế (ngoài các trạm y tế đã được đầu tư năm 2017)	7725008	139	Sở Y tế	28 Trạm Y tế	2019-2020	206/QĐ-SXD ngày 30/10/2018	5.592	5.592	44	44	15	34%	58/QĐ-STC ngày 31/3/2022	
5	Phát thanh, truyền hình, thông tin														
5.1	Nhà bao che đặt máy phát sóng xã Quảng Phú, huyện Krông Nô	7398574	191	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	Krông Nô	2013-2016	41/QĐ-SKH, 22/3/2013; 49/QĐ-SXD 20/4/2016	3.937	3.937	464	464	339	73%	186/QĐ-STC ngày 10/12/2021	

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Trung hạn giai đoạn 2021-2025	Lũy kế bỏ tri vốn đến hết năm 2022	Kế hoạch vốn năm 2023	Kết quả giải ngân đến ngày 31/5/2023	Tỷ lệ giải ngân	Ghi chú	
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT							
								Tổng số							NSDP
6	Thể dục, thể thao														
6.1	Nhà luyện tập và thi đấu đa năng tỉnh Đắk Nông	7040771	221	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Gia Nghĩa	2006-2010	197/QĐ-SKH, ngày 22/11/2005; 110/QĐ-SKH, ngày 4/8/2008	9.231		371	371	102	28%	222/QĐ-STC ngày 31/12/2021	
7	Các hoạt động kinh tế														
	<i>Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản</i>														
7.1	Hồ Đới 3, xã Đức Mạnh, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông	7891676	283	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đắk Nông	Đắk Mil	2021	424/QĐ-UBND ngày 30/3/2021	9.439	1.439	1.439	35	35	100%	134/QĐ-STC ngày 26/7/2022	
7.2	Hồ Lâm Trường (thôn 5), xã Quảng Khê, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông	7891671	283	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đắk Nông	Đắk Glong	2021	425/QĐ-UBND ngày 30/3/2021	5.000	500	500	25	25	100%	138/QĐ-STC ngày 26/7/2022	
7.3	Hồ Đắk Xá, xã Đắk Ru, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông	7891672	283	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đắk Nông	Đắk R'Lấp	2021	418/QĐ-UBND ngày 30/3/2021	5.000	500	500	352	135	38%	163/QĐ-STC ngày 15/8/2022	
7.4	Hồ Sinh Muồng, xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song	7891673	283	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đắk Nông	Đắk Song	2021	417/QĐ-UBND ngày 30/3/2021	5.000	500	500	400	400	100%	185/QĐ-STC ngày 10/12/2021	
7.5	Hồ Đắk Pruh, xã Đắk Ha, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông	7891674	283	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đắk Nông	Đắk Glong	2021	426/QĐ-UBND ngày 30/3/2021	5.000	500	500	25	25	100%	167/QĐ-STC ngày 23/8/2022	
	Giao thông														
7.6	Đường QL14C nối trung tâm hành chính huyện Tuy Đức	7721202	292	Ban QLDA và PTQĐ huyện Tuy Đức	Tuy Đức	2019-2021	2413/QĐ-SGTVT, ngày 29/10/2018	15.000	15.000	1.214	1.214	1.214	100%	198/QĐ-STC ngày 21/12/2021	
7.7	Nâng cấp đường Giao thông liên xã Đắk R'Mảng - Quảng Hòa.	7715046	292	Ban QLDA&PT quỹ đất huyện Đắk Glong	Đắk Glong	2019-2021	1726/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	28.000	28.000	1.593	1.593	1.593	100%	202/QĐ-STC ngày 22/12/2021	
7.8	Đoạn đường 23 tháng 3 đến đường vào trường tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai và đoạn đường từ trường tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai đến đường Cao Thắng	7490202	292	UBND thành phố Gia Nghĩa	Gia Nghĩa	2015-2017	241/QĐ-SKH ngày 31/10/2014	10.656		57	57		0%	136/QĐ-STC ngày 12/10/2021	
8	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội														
8.1	Trụ sở làm việc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Đắk Nông	7336184	361	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa		574/QĐ-UBND, ngày 26/4/2013	26.394	26.394	1.042	1.042	686	66%	40/QĐ-STC ngày 10/3/2022	
8.2	Trụ sở làm việc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đắk Nông; hạng mục bổ sung: Phòng họp, phòng làm việc, gara xe	7221369	341	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Gia Nghĩa	2008	121/QĐ-SKH, ngày 13/8/2008	923	923	56	56	36	64%	220/QĐ-STC ngày 31/12/2021	
8.3	Trụ sở làm việc Khối Mặt trận và các Đoàn thể huyện Tuy Đức	7203711	361	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện Tuy Đức	Tuy Đức	2010-2012	1752/QĐ-UBND, ngày 21/11/2007	15.369	15.369	154	154		0%	101/QĐ-STC ngày 27/8/2020	

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Trung hạn giai đoạn 2021-2025	Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2022	Kế hoạch vốn năm 2023	Kết quả giải ngân đến ngày 31/5/2023	Tỷ lệ giải ngân	Ghi chú	
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT							
								Tổng số							NSDP
-	Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước từ các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Cư Jút tỉnh Đắk Nông	7572458	283		Huyện Cư Jút	2018-2024	662/QĐ-UBND, ngày 09/5/2019; 1079/QĐ-UBND ngày 30/6/2022	215.200	44.601	37.622	5.161	2.000	405	20%	
-	Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước từ các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Đắk Mil tỉnh Đắk Nông	7572454	283		Huyện Đắk Mil	2018-2024	663/QĐ-UBND, ngày 09/5/2019; 1127/QĐ-UBND ngày 12/7/2022	213.046	56.174	46.773	6.163	2.000	1.767	88%	
	Giao thông														
1.4	Dự án Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Đắk Nông	7557066	292	Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Đắk Nông	2017-2023	1288/QĐ-UBND ngày 26/4/2016; 919/QĐ-UBND ngày 1/6/2017; 419/QĐ-UBND ngày 12/4/2021	568.858	27.996	11.996		5.000	2.320	46%	
II.4	Đổi ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia							755.120	52.000	52.000		15.000		0%	
-	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới							755.120	52.000	52.000		15.000		0%	Chi tiết tại Quyết định phân bổ của các Chương
II.5	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023							937.585	925.013	824.197	386.480	156.764		0%	
1	Quốc phòng														
1.1	Đầu tư xây dựng Nhà kho pháo (Công trình cấp bách)	7004686	011	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Nông	Đắk Song	2021-2023	330/QĐ-SXD ngày 14/12/2020	4.500	4.500	4.500	2.500	1.500	1.495	100%	
1.2	Chốt chiến đấu Dân quân thường trực tại xã biên giới Thuận An, huyện Đắk Mil	7004686	011	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Nông	Đắk Mil	2021-2023	1836/QĐ-3TL ngày 14/12/2020	6.709	6.709	6.709	2.000	3.000		0%	
1.3	Chốt chiến đấu Dân quân thường trực tại xã biên giới Đắk Lao, huyện Đắk Mil	7004686	011	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Nông	Đắk Mil	2021-2023	1837/QĐ-BTL ngày 14/12/2020	6.661	6.661	6.661	2.000	2.500	26	1%	
1.4	Thao trường huấn luyện kỹ thuật chiến đấu bộ binh, hạng mục: San lấp mặt bằng, kê ốp mái taluy, cống thoát nước	7004686	011	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Nông	Krông nô	2021-2023	343/QĐ-SXD ngày 14/12/2020	3.200	3.200	3.200	2.000	700	700	100%	
1.5	Doanh trại Ban chỉ huy quân sự huyện Đắk Mil. Hạng mục: Nhà hội trường	7004686	011	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Nông	Đắk Mil	2021-2023	340/QĐ-SXD ngày 14/12/2020	3.700	3.700	3.700	2.423	700	684	98%	
1.6	Doanh trại dB301/eBB994/Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Nông. Hạng mục: Nhà hội trường	7004686	011	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Nông	Đắk Glông	2021-2023	346/QĐ-SXD ngày 14/12/2020	8.700	8.700	8.700	4.850	1.500	1.266	84%	
1.7	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa đường vào đồn Biên phòng Đắk Dang (769)	7004686	011	Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Đắk Nông	Tuy Đức	2021-2023	2411/QĐ-SGTVT ngày 11/11/2020	10.000	10.000	10.000	7.918	1.000	105	10%	



STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Trung hạn giai đoạn 2021-2025	Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2022	Kế hoạch vốn năm 2023	Kết quả giải ngân đến ngày 31/5/2023	Tỷ lệ giải ngân	Ghi chú	
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT							
								Tổng số							NSDP
5.3	Đường giao thông từ thôn 1 vào vùng đồng bào dân tộc Mông thôn 5 táng, xã Đắk R'La, huyện Đắk Mil đến xã Cư K'nia, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông	7871028	292	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Đắk Mil; Cư Jút	2021-2023	1762/QĐ-UBND ngày 30/11/2020	79.000	79.000	71.100	20.130	12.000	6.106	51%	
5.4	Hạ tầng kỹ thuật kết nối khu vực đồi Đắk Nur	7872545	292	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Gia Nghĩa	2021-2023	1827/QĐ-UBND ngày 07/12/2020	77.000	77.000	69.300	27.993	10.000	10.000	100%	
5.5	Nâng cấp, mở rộng đường Lê Thánh Tông, thành phố Gia Nghĩa	7865033	292	Ban QLDA và PT quỹ đất thành phố Gia Nghĩa	Gia Nghĩa	2021-2023	1851/QĐ-UBND ngày 10/12/2020	70.000	70.000	51.024	21.000	8.000	2.464	31%	
5.6	Đường giao thông từ Quốc lộ 28 nối với đường liên xã Quảng Khê - Đắk Ha	7864322	292	Ban QLDA&PT quỹ đất huyện Đắk Glong	Đắk Glong	2021-2023	2642/QĐ-SGTVT ngày 08/12/2020	14.181	14.181	11.683	8.000	2.500	198	8%	
5.7	Đường nối dài từ thôn 10 xã Quảng Hòa đi Quảng Sơn	7864321	292	Ban QLDA&PT quỹ đất huyện Đắk Glong	Đắk Glong	2021-2023	2700/QĐ-SGTVT ngày 11/12/2020	14.000	14.000	12.600	7.900	2.500	2.357	94%	
5.8	Đường giao thông liên xã Quảng Tín - Đắk Ngo huyện Tuy Đức	7868368	292	Ban QLDA & PT quỹ đất huyện Đắk R'lấp	Đắk R'lấp	2021-2023	1732/QĐ-UBND ngày 19/11/2020	30.000	30.000	27.000	11.962	5.000	5.000	100%	
5.9	Nâng cấp, mở rộng đường Lê Hữu Trác, thị trấn Kiến Đức đi xã Quảng Tân, huyện Tuy Đức	7873113	292	Ban QLDA & PT quỹ đất huyện Đắk R'lấp	Đắk R'lấp	2021-2023	1862/QĐ-UBND ngày 14/12/2020	40.000	38.400	34.560	16.300	5.000	5.000	100%	
5.10	Đường giao thông từ xã Nam Đà đi xã Đắk Drô, huyện Krông Nô (DH65)	7865917	292	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Krông Nô	Krông Nô	2021-2023	1746/QĐ-UBND ngày 23/11/2020	20.000	19.700	17.730	8.600	3.000	3.000	100%	
5.11	Đường từ xã Đắk Drô đi xã Nam Nung, huyện Krông Nô (DH 59)	7865916	292	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Krông Nô	Krông Nô	2021-2023	1715/QĐ-UBND ngày 16/11/2020	20.000	20.000	18.000	8.600	3.071	3.071	100%	
5.12	Đường giao thông xã Nam Dong đi Đắk D'rông - Đắk Wil	7862212	292	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Cư Jút	Cư Jút	2021-2023	1816/QĐ-UBND ngày 04/12/2020	58.000	58.000	52.200	22.800	8.000	7.528	94%	
5.13	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường giao thông từ ngã tư Phan Chu Trinh và xã Nam Dong; hạng mục: Nền, mặt đường, hệ thống thoát nước, điện chiếu sáng	7862213	292	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Cư Jút	Cư Jút	2021-2023	1866/QĐ-UBND ngày 14/12/2020	50.000	50.000	45.000	16.000	8.000	237	3%	
5.14	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông liên xã Tâm Thắng - Ea Tling; hạng mục: Nền, mặt đường, hệ thống thoát nước, điện chiếu sáng	7862214	292	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Cư Jút	Cư Jút	2021-2023	1902/QĐ-UBND ngày 22/12/2020	30.000	30.000	27.000	10.500	6.000	5.572	93%	
5.15	Đường giao thông từ cửa khẩu Đắk Per, xã Thuận An đi tỉnh lộ (ĐT.683) xã Đức Minh, huyện Đắk Mil (giai đoạn 1)	7864310	292	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Mil	Đắk Mil	2021-2023	1864/QĐ-UBND ngày 14/12/2020	36.000	32.000	28.800	15.200	5.000	87	2%	
5.16	Đường giao thông liên xã Đắk R'La đi xã Đắk N'Drôt, huyện Đắk Mil	7864308	292	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Mil	Đắk Mil	2021-2023	1850/QĐ-UBND ngày 10/12/2020	49.407	45.432	40.889	18.000	7.000	3.387	48%	
5.17	Nâng cấp các tuyến đường giao thông thị trấn Đức An kết nối với xã Nam Bình huyện Đắk Song	7863917	292	BQLDA và PTQĐ huyện Đắk Song	Đắk Song	2021-2023	1853/QĐ-UBND ngày 10/12/2020	42.000	42.000	33.300	17.000	7.000	3.928	56%	

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Trung hạn giai đoạn 2021-2025	Lũy kế bổ tri vốn đến hết năm 2022	Kế hoạch vốn năm 2023	Kết quả giải ngân đến ngày 31/5/2023	Tỷ lệ giải ngân	Ghi chú	
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT							
								Tổng số							NSDP
5.18	Nâng cấp đường giao thông liên xã Đăk N'drung - Thuận Hà	7863918	292	BQLDA và PTQĐ huyện Đăk Song	Đăk Song	2021-2023	2455/QĐ-SGTVT ngày 16/11/2020	13.500	13.033	11.730	6.825	3.913	1.776	45%	
5.19	Đường giao thông liên xã Quảng Tân đi xã Đăk Ngo, huyện Tuy Đức (ĐH 91 TĐ); HM: Xây dựng mới cầu nhịp 9m và đầu tư xây dựng 4,5Km đường.	7866209	292	BQLDA và PTQĐ huyện Tuy Đức	Tuy Đức	2021-2023	2535/QĐ-SGTVT ngày 25/11/2020	14.950	14.950	13.455	7.196	2.700	2.521	93%	
5.20	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường giao thông liên xã Đăk R'Tih và Quảng Tân, huyện Tuy Đức đi xã Đăk Wer, huyện Đăk R'Lấp.	7866211	292	BQLDA và PTQĐ huyện Tuy Đức	Tuy Đức	2021-2023	1815/QĐ-UBND ngày 04/12/2020	22.000	21.670	19.503	9.200	5.000	997	20%	
5.21	Tuyến đường giao thông liên xã Đăk R'tih đi xã Đăk Ngo, huyện Tuy Đức (đoạn từ cầu Suối Đăk R'lấp đầu nối với đường vào xã Đăk Ngo).	7866252	292	BQLDA và PTQĐ huyện Tuy Đức	Tuy Đức	2021-2023	1856a/QĐ-UBND ngày 11/12/2020	25.000	24.000	21.600	9.250	6.000		0%	
6	<i>Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội</i>														
6.1	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Sở Xây dựng tỉnh Đăk Nông	7866395	341	Sở Xây dựng	Gia Nghĩa	2021-2023	273/QĐ-SXD ngày 06/11/2020	3.000	3.000	3.000	2.750	217	200	92%	187/QĐ-STC ngày 21/10/2022
6.2	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đăk Nông	7872887	341	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Gia Nghĩa	2021-2023	326/QĐ-SXD ngày 10/12/2020	4.500	4.500	4.500	3.800	580	349	60%	99/QĐ-STC ngày 30/5/2022
6.3	Hội trường đa năng và phòng họp trực tuyến thuộc trụ sở làm việc HĐND-UBND thành phố Gia Nghĩa	7865034	341	Ban QLDA và PT quỹ đất thành phố Gia Nghĩa	Gia Nghĩa	2021-2023	301/QĐ-SXD ngày 02/12/2020	14.998	14.998	13.498	8.500	1.800	1.800	100%	
6.4	Xây dựng Trụ sở và kho lưu trữ Văn phòng đảng ký đất đai tỉnh	7866152	341	Sở Tài nguyên và Môi trường	Gia Nghĩa	2021-2023	1854/QĐ-UBND ngày 11/12/2020	27.688	27.688	24.919	10.000	6.000	2.579	43%	
6.5	Trụ sở làm việc HĐND-UBND xã Đăk Som	7864324	341	Ban QLDA&PT quỹ đất huyện Đăk Glong	Đăk Glong	2021-2023	325/QĐ-SXD ngày 10/12/2020	14.500	14.500	13.050	7.235	3.000	1.635	54%	
6.6	Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND - UBMTTQVN xã Đăk Ru	7873046	341	Ban QLDA&PT quỹ đất huyện Đăk R'lấp	Đăk R'lấp	2021-2023	327/QĐ-SXD ngày 10/12/2020	14.048	14.048	12.643	7.250	3.000	2.233	74%	
6.7	Trụ sở HĐND&UBND xã Đăk Nang	7865915	341	Ban QLDA&PT quỹ đất huyện Krông Nô	Krông Nô	2021-2023	294/QĐ-SXD ngày 25/11/2020	14.700	13.800	12.420	7.200	3.000	2.709	90%	
6.8	Trụ sở làm việc HĐND-UBND xã Đăk R'Tih; Hạng mục: Xây mới Nhà làm việc tổ một cửa, Nâng cấp, sửa chữa nhà làm việc công an xã, Nhà xe, nhà vệ sinh, Hạ tầng kỹ thuật và Trang thiết bị	7866253	341	Ban QLDA&PT quỹ đất huyện Tuy Đức	Tuy Đức	2021-2023	298/QĐ-UBND ngày 01/12/2020	8.000	8.000	8.000	6.016	383	383	100%	176/QĐ-STC ngày 09/8/2022
II.6	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023								764.875	756.437	612.903	165.155	104.539		

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Trung hạn giai đoạn 2021-2025	Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2022	Kế hoạch vốn năm 2023	Kết quả giải ngân đến ngày 31/5/2023	Tỷ lệ giải ngân	Ghi chú
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT							
								Tổng số	NSDP						
5.1	Cải tạo nhà ngục Đắk Mil	7897778	161	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Đắk Mil	Đắk Mil	2022-2024	2095/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	10.000	10.000	9.700	2.000	1.500	1.000	67%	
5.2	Tu sửa cấp thiết, bảo quản định kỳ di tích lịch sử Căn cứ kháng chiến B4 - Liên tỉnh IV (1959-1975) tại Nậm Nung, tỉnh Đắk Nông giai đoạn 1	7929833	161	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Krông Nô	Krông Nô	2022-2024	2058/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	10.000	10.000	9.800	2.000	1.500	62	4%	
5.3	Trung tâm thông tin Công viên địa chất huyện Đắk Song	7909685	161	Ban QLDA và PTQĐ huyện Đắk Song	Đắk Song	2022-2024	2050/QĐ-UBND ngày 25/11/2021	5.000	5.000	4.900	1.500	1.000		0%	
5.4	Điểm dừng chân công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông	7902032	161	Ban QLDA và PTQĐ huyện Đắk Glong	Đắk Glong	2022-2024	2098/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	6.000	6.000	5.900	3.200	700		0%	
5.5	Xây dựng cơ sở vật chất du lịch Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông tại Điểm số 8 (Núi lửa Nậm Kar) và Điểm số 10 (cánh đồng lửa ven núi lửa)	7909634	161	Ban QLDA và PTQĐ huyện Krông Nô	Krông Nô	2022-2024	2201/QĐ-UBND ngày 13/12/2021	8.485	8.485	7.985	3.856	1.000		0%	
5.6	Nhà luyện tập và chạy chương trình Đoàn ca mùa nhạc dân tộc tỉnh Đắk Nông	7861818	161	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Gia Nghĩa	2022-2024	341/QĐ-SXD ngày 14/12/2020	5.500	5.500	5.500	2.537	500	500	100%	
6	Thể dục, thể thao														
6.1	Sửa chữa, cải tạo Nhà luyện tập và Thi đấu đa năng tỉnh Đắk Nông	7946526	221	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Gia Nghĩa	2022-2024	63/QĐ-SXD ngày 17/5/2022	6.000	6.000	6.000	3.500	500	500	100%	
7	Các hoạt động kinh tế														
	<i>Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản</i>														
7.1	Hồ Đắk Rì 2, xã Tân Thành, huyện Krông Nô	7929520	283	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Krông Nô	Krông Nô	2022-2024	2365/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	15.000	15.000	11.998	2.000	3.000	2.909	97%	
	<i>Giao thông</i>														
7.2	Đường giao thông từ thôn M'rang đi bon Mê Ra, xã Quảng Tân, huyện Tuy Đức thuộc dự án ổn định dân cư tự do xã Quảng Tân, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông	7929755	292	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Tuy Đức	2022-2024	1896/QĐ-UBND ngày 09/11/2021	11.000	11.000	8.779	2.000	1.500	600	40%	
7.3	Nâng cấp đường giao thông liên xã Nam Bình - Thuận Hạnh huyện Đắk Song	7915021	292	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Đắk Song	Đắk Song	2022-2024	2053/QĐ-UBND ngày 25/11/2021	12.600	12.600	10.049	2.000	4.000	3.616	90%	
7.4	Nâng cấp, mở rộng đường Phan Chu Trinh thị trấn Kiến Đức đi thôn 8 xã Kiến Thành	7868369	292	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Đắk R'lấp	Đắk R'lấp	2022-2024	1718/QĐ-UBND ngày 17/11/2020	20.000	20.000	14.871	3.800	2.000	1.980	99%	

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Trung hạn giai đoạn 2021-2025	Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2022	Kế hoạch vốn năm 2023	Kết quả giải ngân đến ngày 31/5/2023	Tỷ lệ giải ngân	Ghi chú
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT							
								Tổng số	NSDP						
7.5	Nâng cấp, mở rộng đường từ trung tâm xã Nhân Đạo đi đường Đạo Nghĩa - Quảng Khê	7926920	292	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Đắk Rlấp	Đắk Rlấp	2022-2024	1895/QĐ-UBND ngày 09/11/2021	14.979	14.979	13.453	4.000	2.500	2.500	100%	
7.6	Đường giao thông trung tâm xã Nghĩa Thắng đi thôn Quảng Phước, xã Đạo Nghĩa	7928798	292	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Đắk Rlấp	Đắk Rlấp	2022-2024	1975/QĐ-UBND ngày 18/11/2021	30.000	30.000	21.051	6.400	3.500	3.500	100%	
7.7	Đường giao thông từ huyện Tuy Đức đi huyện Đắk Rlấp, tỉnh Đắk Nông (đoạn từ cầu Đắk Loan đi cầu Đắk Nguyên) - Trục D3	7921436	292	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Tuy Đức	Tuy Đức	2022-2024	1950/QĐ-UBND ngày 17/11/2021	36.000	36.000	24.000	5.000	4.000	2.926	73%	
7.8	Đường giao thông liên xã Đắk Ru - huyện Đắk Rlấp đi xã Đắk Ngo, huyện Tuy Đức (đoạn từ Trung đoàn 720 đi ngã ba Trung Vân)	7921438	292	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Tuy Đức	Tuy Đức	2022-2024	1949/QĐ-UBND ngày 17/11/2021	16.250	16.250	12.833	3.600	2.500	2.090	84%	
7.9	Đường liên xã Đức Minh - Thuận An, huyện Đắk Mil	7864309	292	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Mil	Đắk Mil	2022-2024	1863/QĐ-UBND ngày 14/12/2020	25.000	25.000	16.500	4.447	3.500		0%	
7.10	Đường liên xã Đức Mạnh - Đức Minh - Đắk Sắk (Từ quốc lộ 14 đi tỉnh lộ 682)	7897773	292	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Đắk Mil	Đắk Mil	2022-2024	2203/QĐ-UBND ngày 13/12/2021	18.000	18.000	14.284	3.000	3.000	2.125	71%	
7.11	Nhựa hóa đường giao thông liên xã Đắk R'Măng - Quảng Hóa (Lý trình từ Km0+00 đến Km13+184)	7902030	292	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Đắk Glong	Đắk Glong	2022-2024	2180/QĐ-UBND ngày 09/12/2021	25.000	25.000	18.589	4.000	4.000	2.987	75%	
7.12	Đường vành đai kết nối các xã trong huyện (D10), huyện Krông Nô	7866148	292	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Krông Nô	Krông Nô	2022-2024	1763/QĐ-UBND ngày 30/11/2020	30.000	24.562	19.000	4.700	3.500	50	1%	
7.13	Đường giao thông từ xã Đắk Drô đi xã Tân Thành, huyện Krông Nô (ĐH66)	7916881	292	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Krông Nô	Krông Nô	2022-2024	1517/QĐ-UBND ngày 10/9/2021	20.000	20.000	14.871	3.000	2.500	1.496	60%	
7.14	Đường giao thông liên xã thị trấn EaTl'ing-Trúc Sơn-Cư K'nia-Nam Đông	7909839	292	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Cư Jút	Krông Nô	2022-2024	2012/QĐ-UBND ngày 22/11/2021	43.000	43.000	27.000	6.000	4.000	3.150	79%	
7.15	Đường Lê Hồng Phong nối đường tránh thành phố Gia Nghĩa	7926038	292	Ban QLDA và PT quỹ đất thành phố Gia Nghĩa	Gia Nghĩa	2022-2024	1898/QĐ-UBND ngày 09/11/2021	35.000	35.000	22.000	4.500	3.000	3.000	100%	
7.16	Nâng cấp đường tuần tra quản lý bảo vệ rừng kết hợp du lịch sinh thái Khu bảo tồn thiên nhiên Nam Nung tỉnh Đắk Nông	7930187	292	Khu bảo tồn thiên nhiên Nam Nung	Đắk Glong - Krông Nô	2022-2024	2284/QĐ-UBND ngày 22/12/2021	18.000	18.000	14.284	3.000	2.000	1.961	98%	
7.19	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông liên xã Quảng Tín đi Đắk Sín (Đoạn từ Km208-QL14 đi Đắk Sín)	7930158	292	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Rlấp	Đắk Rlấp	2022-2024	2256/QĐ-UBND ngày 17/12/2021	25.000	25.000	18.089	4.000	3.000	1.369	46%	

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Trung hạn giai đoạn 2021-2025	Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2022	Kế hoạch vốn năm 2023	Kết quả giải ngân đến ngày 31/5/2023	Tỷ lệ giải ngân	Ghi chú	
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT							
								Tổng số							NSDP
8	<i>Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội</i>														
8.1	Nâng cấp, mở rộng Trụ sở làm việc HDND-UBND huyện Tuy Đức; Hạng mục: Nhà hội trường, phòng họp trực tuyến, trang thiết bị	7921441	341	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Tuy Đức	Tuy Đức	2022-2024	2118/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	10.000	10.000	7.936	2.000	2.300	782	34%	
8.2	Trụ sở Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã Tân Thành	7929466	341	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Krông Nô	Krông Nô	2022-2024	2039/QĐ-UBND ngày 24/11/2021	5.000	5.000	5.000	2.200	2.439	2.127	87%	
8.3	Trụ sở làm việc Đảng ủy - Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã Đắk N'Drung	7910022	341	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Đắk Song	Đắk Song	2022-2024	2054/QĐ-UBND ngày 25/11/2021	8.000	8.000	6.349	2.000	3.000	2.393	80%	
8.4	Sửa chữa trụ sở làm việc Thanh tra tỉnh Đắk Nông	7928398	341	Thanh tra tỉnh	Gia Nghĩa	2022-2024	2202/QĐ-UBND ngày 13/12/2021	3.800	3.800	3.800	2.000	700	200	29%	
8.5	Sửa chữa trụ sở làm việc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Nông	7926037	341	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa	2022-2024	1168/QĐ-UBND ngày 06/8/2021	5.000	5.000	5.000	2.000	1.000	885	89%	
8.6	Trụ sở làm việc HĐND-UBND xã Đắk Ha	7864323	341	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Glong	Đắk Glong	2022-2024	299/QĐ-SXD ngày 27/11/2020	14.500	14.500	11.382	3.350	1.500	1.357	90%	
8.7	Ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan đảng tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025 (giai đoạn 2: Đầu tư, phát triển phần mềm ứng dụng)	7904534	351	Văn phòng Tỉnh ủy	Đắk Nông	2022-2024	1854/QĐ-UBND ngày 03/11/2021	9.994	9.994	10.000	2.945	1.500	1.500	100%	
8.8	Trụ sở làm việc UBND xã Đức Minh	7897779	341	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Đắk Mil	Đắk Mil	2022-2024	2183/QĐ-UBND ngày 09/12/2021	18.000	15.000	12.000	2.850	1.500		0%	
8.9	Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND & UBND xã Thuận Hà	7910023	341	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Đắk Song	Đắk Song	2022-2024	1976/QĐ-UBND ngày 18/11/2021	8.000	8.000	6.349	2.000	3.500	950	27%	
8.10	Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND - UBMTTQVN xã Đắk Wer	7873104	341	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Đắk R'lấp	Đắk R'lấp	2022-2024	354/QĐ-SXD ngày 18/12/2020	14.990	14.990	11.948	3.550	1.500	1.400	93%	
8.11	Trụ sở làm việc HĐND - UBND xã Quảng Tân	7866213	341	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Tuy Đức	Tuy Đức	2022-2024	355/QĐ-SXD ngày ngày 21/12/2020	14.500	14.500	11.510	3.350	1.500	1.400	93%	
8.12	Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND - UBMTTQVN xã Quảng Tín	7929849	341	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk R'lấp	Đắk R'lấp	2022-2024	2384/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	14.000	14.000	11.110	3.000	1.500	242	16%	
8.13	Mở rộng Trụ sở làm việc Sở Y tế	7930048	341	Sở Y tế	Gia Nghĩa	2022-2024	2094/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	2.906	2.906	2.906	2.000	300	300	100%	
8.14	Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND - UBMTTQVN xã Đạo Nghĩa	7929848	341	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk R'lấp	Đắk R'lấp	2022-2024	2385/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	15.000	15.000	11.953	2.850	1.500	1.500	100%	

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Trung hạn giai đoạn 2021-2025	Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2022	Kế hoạch vốn năm 2023	Kết quả giải ngân đến ngày 31/5/2023	Tỷ lệ giải ngân	Ghi chú	
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT							
								Tổng số							NSDP
8.15	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HDND và UBND phường Nghĩa Đức, thành phố Gia Nghĩa	7926930	341	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất thành phố Gia Nghĩa	Gia Nghĩa	2022-2024	2364/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	15.000	15.000	11.853	2.850	1.500	1.500	100%	
8.16	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Ban Tổ chức Tỉnh ủy Đắk Nông	7947112	351	Ban tổ chức Tỉnh ủy	Gia Nghĩa	2022-2024	57/QĐ-SXD ngày 04/5/2022	3.500	3.500	3.500	2.400	500	15	3%	
8.17	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đắk Nông	7946739	351	Ban tuyên giáo Tỉnh ủy	Gia Nghĩa	2022-2024	58/QĐ-SXD ngày 10/5/2022	3.388	3.388	3.388	2.300	500		0%	
8.18	Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp một số hạng mục thuộc dự án Trụ sở làm việc Tỉnh ủy Đắk Nông	7947113	351	Văn phòng Tỉnh ủy Đắk Nông	Gia Nghĩa	2022-2024	560/QĐ-UBND ngày 18/3/2022	4.483	4.483	4.483	3.077	500	500	100%	
8.19	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc UBND tỉnh Đắk Nông	7951709	341	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa	2022-2024	714/QĐ-UBND ngày 15/4/2022	15.000	15.000	15.000	6.000	2.000	1.987	99%	
II.7	Các dự án khởi công mới năm 2023							14.293	14.293	14.293	-	4.500		0%	
I	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội														
1,1	Nâng cấp, cải tạo khuôn viên, hạ tầng kỹ thuật trụ sở làm việc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông		341	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Gia Nghĩa	2023-2025	34/NQ-HĐND ngày 10/11/2022; 216/QĐ-SXD ngày 13/12/2022	4.993	4.993	4.993		1.500	1.161	77%	
1,2	Sửa chữa, cải tạo và nâng cấp Trụ sở làm việc Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông		341	Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	Gia Nghĩa	2023-2025	35/NQ-HĐND ngày 10/11/2022; 217/QĐ-SXD ngày 13/12/2022	4.500	4.500	4.500		1.500	1.500	100%	
1,3	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông		341	Sở Tư pháp	Gia Nghĩa	2023-2025	36/NQ-HĐND ngày 10/11/2022; 215/QĐ-SXD ngày 13/12/2022	4.800	4.800	4.800		1.500	1.500	100%	
II.8	Chuẩn bị đầu tư							14.990	14.990	400	-	400		0%	
I	Các hoạt động kinh tế														
	Giao thông														
1.1	Nâng cấp đường giao thông từ xã Đạo Nghĩa huyện Đắk R'lấp đi xã Lộc Bắc, huyện Bảo Lâm	7930157	292	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk R'lấp	Đắk R'lấp		41/NQ-HĐND ngày 11/5/2021	14.990	14.990	400		400		0%	
D	NGUỒN CHÍNH PHỦ VAY VỀ CHO VAY LẠI							997.104	257.542	-	-	47.200			
I	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023							997.104	257.542	-	-	8.000			
I.1	Các hoạt động kinh tế							997.104	257.542	-	-	8.000			

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Trung hạn giai đoạn 2021-2025	Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2022	Kế hoạch vốn năm 2023	Kết quả giải ngân đến ngày 31/5/2023	Tỷ lệ giải ngân	Ghi chú	
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT							
								Tổng số							NSDP
	<i>Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản</i>							428.246	100.775	-	8.000				
1.1	Dự án nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán, vay vốn ADB tỉnh Đắk Nông			Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh		2018-2024	662/QĐ-UBND ngày 9/5/2019; 663/QĐ-UBND ngày 9/5/2019	428.246	100.775		8.000				
-	<i>Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước từ các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Cư Jút tỉnh Đắk Nông</i>	7572458	283			2018-2024	1074/QĐ-UBND, ngày 11/7/2018; 662/QĐ-UBND, ngày 09/5/2019; 1079/QĐ-UBND ngày 30/6/2022	215.200	44.601		4.000		0%		
-	<i>Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước từ các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Đắk Mil tỉnh Đắk Nông</i>	7572454	283			2018-2024	1073/QĐ-UBND, ngày 11/7/2018; 663/QĐ-UBND, ngày 09/5/2019; 1127/QĐ-UBND ngày 12/7/2022	213.046	56.174		4.000		0%		
II	Thông báo sau										39.200				
E	NGUỒN BỔ SUNG TỪ NGUỒN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025, NGUỒN TĂNG THU VÀ TIẾT KIỆM CHI NGÂN SÁCH HÀNG NĂM VÀ CÁC NGUỒN VỐN HỢP PHÁP KHÁC							2.639.205	1.062.560	1.175.690	-	150.000			
I	Đối ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia							1.639.205	62.560	62.560	-	20.654		Chi tiết tại Quyết định phân bổ của các Chương trình mục tiêu quốc gia	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi						1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021; 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022	1.136.614	31.859	31.859		9.407		0%	
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững						90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022; 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2023	502.591	30.701	30.701		11.247		0%	
II	Các hoạt động kinh tế									1.126	-	1.126		0%	
	<i>Giao thông</i>														
1.1	Đường tránh đô thị Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông			Sở Giao thông vận tải	Gia Nghĩa					1.126		1.126	1.126	100%	

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Trung hạn giai đoạn 2021-2025	Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2022	Kế hoạch vốn năm 2023	Kết quả giải ngân đến ngày 31/5/2023	Tỷ lệ giải ngân	Ghi chú	
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT							
								Tổng số							NSDP
III	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật								112.004	-	28.220				
1	Kinh phí hỗ trợ thực hiện GPMB cho dự án Bệnh viện đa khoa chuyên sâu theo Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 30/9/2019 của HĐND tỉnh			Huyện Cư Jút	Cư Jút				8.300		8.300	8.300	100%	Phân bổ cho ngân sách cấp huyện	
	<i>Giao thông</i>														
2	Xây dựng khu số 2 thuộc khu quy hoạch dân cư Sùng Đức 131,5ha			Trung tâm đo đạc và tư vấn Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa				957		957				
3	Trả nợ gốc các khoản địa phương vay lại từ nguồn Chính phủ vay nước ngoài								44.747		8.500				
4	Hỗ trợ thực hiện Đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho lực lượng Công an xã Chính quy giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông						54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022		58.000		10.463				
4.1	Trụ sở làm việc Công an xã biên giới thuộc Công an tỉnh Đắk Nông (Thuận Hạnh, Thuận Hà - huyện Đắk Song, Đắk Buk So - huyện Tuy Đức)	7004692	041	Công an tỉnh	Đắk Song; Tuy Đức		1397/QĐ-CAT ngày 10/8/2022	10.551	5.000		3.763				
4.2	Trụ sở làm việc Công an xã biên giới thuộc Công an tỉnh Đắk Nông (Thuận An, Đắk Lao - huyện Đắk Mil, Đắk Wil - huyện Cư Jút)	7004692	041	Công an tỉnh	Đắk Mil; Cư Jút		1396/QĐ-CAT ngày 09/8/2022	10.511	4.900		3.700				
4.3	Hỗ trợ huyện Krông Nô			Huyện Krông Nô			54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022	15.000	15.000		3.000			Phân bổ cho ngân sách cấp huyện	
IV	Thông báo sau							1.000.000	1.000.000	1.000.000	-	100.000			



Phụ lục I-b

TÌNH HÌNH GIẢI NGÃ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2023 ĐẾN NGÀY 31/5/2023

(Kèm theo Báo cáo số 37/BC-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2023 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lấy kế bố trí vốn đến hết năm 2022		KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch năm 2023				Kết quả giải ngân đến ngày 30/5/2023	Tỷ lệ giải ngân	Ghi chú	
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó:	Trong đó NSTW								
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW					Tổng số	Trong đó:							
															Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư					
1	2	3	4	5	6	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	
	TỔNG CỘNG							6.931.776	6.208.245	2.351.098	2.299.798	4.727.363	118.540	0	1.115.600	16.110	0	3.000	307.850	28%		
I	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2022							358.687	358.687	337.680	337.680	118.540	118.540	0	16.110	16.110	0	0				
(1)	Các hoạt động kinh tế							358.687	358.687	337.680	337.680	118.540	118.540	0	16.110	16.110	0	0				
a	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi thủy sản							358.687	358.687	337.680	337.680	118.540	118.540	0	16.110	16.110	0	0				
1.1	Dự án quy hoạch ổn định dân cư biên giới, xã Quảng Trục, huyện Tuy Đức	Chủ đầu tư tự phân khai cho các hạng mục thuộc dự án		UBND huyện Tuy Đức	Tuy Đức	2010-2014	664/QĐ-UBND, 19/5/2010, 1227/QĐ-UBND 27/9/2012;	358.687	358.687	337.680	337.680	118.540	118.540		16.110	16.110			16.110	100%		
II	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023							951.835	866.835	816.504	816.504	119.000	0	0	36.463	0	0	0				
(1)	Các hoạt động kinh tế							951.835	866.835	816.504	816.504	119.000	0	0	36.463	0	0	0				
a	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi thủy sản							785.000	700.000	690.043	690.043	50.000	0	0	9.957	0	0	0				
1.1	Hộ Gia Nghĩa, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông	7654939	283	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	TP. Gia Nghĩa	2018-2023	1682/QĐ-UBND 19/10/2017; 404/QĐ-UBND 26/3/2018; 870/QĐ-UBND 08/6/2018; 1294/QĐ-UBND 24/8/2018; 942/QĐ-UBND 07/7/2021	785.000	700.000	690.043	690.043	50.000			9.957						0%	
b	Giao thông							166.835	166.835	126.461	126.461	69.000	0	0	26.506	0	0	0				
1.1	Đường giao thông từ thị trấn Kiến Đức đi liên xã Kiến Thành - Nhân Cơ - Nhân Đạo	7614023	292	Ban Quản lý dự án và Phát triển Quỹ đất huyện Đắk R'Lấp	Đắk R'Lấp	2019-2023	1724/QĐ-UBND 31/10/2017	85.005	85.005	61.461	61.461	35.000			10.999						0%	
1.2	Nâng cấp các trục đường giao thông chính thị trấn Đắk Mil	7654941	292	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Mil	Đắk Mil	2019-2023	1721/QĐ-UBND 31/10/2017	81.830	81.830	65.000	65.000	34.000			15.507					3.420	22%	
III	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023							5.172.966	4.534.435	1.191.386	1.140.086	4.210.698	0	0	1.002.027	0	0	0				
(1)	Phát thanh, truyền hình, thông tấn							74.000	74.000	20.000	20.000	74.000	0	0	20.000	0	0	0				
3.1	Đầu tư mua sắm thiết bị thuộc Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Đắk Nông (giai đoạn 2)	7929298	201	Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh	Gia Nghĩa	2022-2025	51/NQ-HĐND 11/5/2021; 1788/QĐ-UBND 25/10/2021	74.000	74.000	20.000	20.000	74.000			20.000					5.462	27%	
(2)	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp							562.968	197.039	128.970	89.670	12.000	0	0	6.540	0	0	0				

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế bổ trợ vốn đến hết năm 2022		KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch năm 2023			Kết quả giải ngân đến ngày 30/5/2023	Tỷ lệ giải ngân	Ghi chú		
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó:	Trong đó NSTW							
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW					Tổng số	Trong đó:						
															Thu hút các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB				Chuẩn bị đầu tư	
3.1	Trường Cao đẳng Cộng đồng tỉnh Đắk Nông	7122739	093	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Gia Nghĩa		1721/QĐ-UBND 30/10/2013; 463/QĐ-UBND 28/3/2016; 1439/QĐ-UBND 01/9/2017; 1078/QĐ-UBND 24/7/2020	562.968	197.039	128.970	89.670	12.000			6.540			187	3%		
(3)	Các hoạt động kinh tế							2.908.049	2.721.000	629.806	617.806	2.580.698	0	0	690.487	0	0	0			
a	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi thủy sản							317.995	209.000	39.350	39.350	209.000	0	0	68.500	0	0	0			
3.1	Hồ Đắk Klo Ou, xã Đắk lao	7654958	283	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Mil	Đắk Mil	2020-2024	1750/QĐ-UBND 31/10/2017	81.000	81.000	30.950	30.950	81.000			30.000				849	3%	
3.2	Hồ Đắk R'tan, xã Đắk R'Thì, huyện Tuy Đức	7921439	283	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Tuy Đức	Tuy Đức	2022-2025	30/NQ-HĐND 11/5/2021; 2360/QĐ-UBND 31/12/2021	110.000	110.000	6.400	6.400	110.000			35.000				1	0%	
3.3	Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ, tỉnh Đắk Nông	7911356	283	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		2021-2026	740/QĐ-TTg ngày 20/5/2020; 729/QĐ-UBND ngày 24/5/2021; 1914/QĐ-UBND 10/11/2021	126.995	18.000	2.000	2.000	18.000			3.500				557	16%	Đổi ứng ODA
b	Giao thông							2.190.054	2.112.000	534.437	522.437	1.971.698	0	0	511.987	0	0	0			
3.1	Đường Bô Tây, Hồ Trung tâm	7624255	292	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất thành phố Gia Nghĩa	Gia Nghĩa	2021-2024	1720/QĐ-UBND 31/10/2017	198.054	120.000	123.641	111.641	118.000			8.359					0%	
3.2	Đường vào xã Ea Pô, huyện Cư Jút	7655327	292	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Cư Jút	Cư Jút	2021-2024	1653/QĐ-UBND 18/10/2018	90.000	90.000	59.000	59.000	88.000			20.000				221	1%	
3.3	Đường giao thông từ trung tâm huyện Đắk Song đi xã Thuận Hà và xã Đắk N'đrưng	7656296	292	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Song	Đắk Song	2020-2023	1801a/QĐ-UBND 31/10/2019	82.000	82.000	18.518	18.518	80.000			15.000				5.588	37%	
3.4	Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 2	7910029	292	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Đắk Song-Đắk Mil	2022-2025	54/NQ-HĐND 11/5/2021; 1993/QĐ-UBND 18/11/2021	300.000	300.000	72.412	72.412	300.000			70.000				12.929	18%	
3.5	Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 3	7910028	292	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Đắk Mil-Krông Nô	2022-2025	55/NQ-HĐND 11/5/2021; 1990/QĐ-UBND 18/11/2021	300.000	300.000	45.306	45.306	245.698			81.000				60.168	74%	
3.6	Cải tạo, nâng cấp cục bộ Tỉnh lộ 5	7910027	292	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Đắk R'lấp	2022-2025	56/NQ-HĐND 11/5/2021; 1996/QĐ-UBND 19/11/2021	190.000	190.000	30.000	30.000	170.000			47.628				118	0%	
3.7	Đường giao thông xã Đắk D'Rông đi xã Đắk Wil huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông	7909837	292	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Cư Jút	Cư Jút	2022-2025	64/NQ-HĐND 11/5/2021; 2004/QĐ-UBND 19/11/2021	90.000	90.000	25.000	25.000	90.000			25.000				17.902	72%	

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lấy kế bổ tri vốn đến hết năm 2022		KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch năm 2023			Kết quả giải ngân đến ngày 30/5/2023	Tỷ lệ giải ngân	Ghi chú			
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó:		Tổng số				Trong đó NSTW		
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW						Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB					Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chẩn bị đầu tư
3.8	Các trục đường khu Trung tâm Văn hóa - Thương mại huyện Đắk Glong	7902034	292	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Glong	Đắk Glong	2022-2025	63/NQ-HĐND 11/5/2021; 1894/QĐ-UBND 09/11/2021	95.000	95.000	15.000	15.000	95.000			25.000			390	2%				
3.9	Đường giao thông phát triển đô thị mới thị trấn Đắk Mâm huyện Krông Nô	7929467	292	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Krông Nô	Krông Nô	2022-2025	22/NQ-HĐND 11/5/2021; 2052/QĐ-UBND 25/11/2021	80.000	80.000	8.700	8.700	80.000			25.000			70	0%				
3.10	Đường giao thông xã Đức Minh đi xã Đức Mạnh, huyện Đắk Mil (ĐH16)	7897776	292	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Mil	Đắk Mil	2022-2025	80/NQ-HĐND 11/5/2021; 2226/QĐ-UBND 15/12/2021; 2358/QĐ-UBND 31/12/2021	81.000	81.000	15.000	15.000	81.000			25.000			1.277	5%				
3.11	Đường giao thông từ Quốc lộ 14 đi tỉnh lộ 681, huyện Đắk R'Lấp	7554614	292	Ban Quản lý dự án và Phát triển Quỹ đất huyện Đắk R'lấp	Đắk R'lấp	2022-2025	40/NQ-HĐND 11/5/2021; 2246/QĐ-UBND 17/12/2021	98.000	98.000	15.560	15.560	98.000			30.000			1.093	4%				
3.12	Đường vào xã Đắk Ngo, huyện Tuy Đức (giai đoạn 2)	7929230	292	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Tuy Đức	Tuy Đức	2022-2025	33/NQ-HĐND 11/5/2021; 2182/QĐ-UBND 09/12/2021	100.000	100.000	35.000	35.000	100.000			30.000			300	1%				
3.13	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông liên xã đoạn đi qua khu Trung tâm đô thị Nam Dong; Hạng mục: Nền, mặt đường, hệ thống thoát nước, điện chiếu sáng	7909838	292	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Cư Jút	Cư Jút	2022-2025	65/NQ-HĐND 11/5/2021; 2386/QĐ-UBND 31/12/2021	100.000	100.000	25.000	25.000	90.000			20.000			103	1%				
3.14	Đường giao thông liên xã Đắk Plao - Đắk R'Mông - Đắk Som	7902031	292	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Glong	Đắk Glong	2022-2025	59/NQ-HĐND 11/5/2021; 2229/QĐ-UBND 15/12/2021	110.000	110.000	5.300	5.300	90.000			25.000			1.734	7%				
3.15	Đường giao thông từ thị trấn Đắk Mâm đi xã Năm Nung và xã Năm N'Dir, huyện Krông Nô (ĐH57)	7929462	292	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Krông Nô	Krông Nô	2022-2025	21/NQ-HĐND 11/5/2021; 1999/QĐ-UBND 19/11/2021	80.000	80.000	25.000	25.000	80.000			25.000			13.977	56%				
3.16	Đường từ Quốc lộ 14 qua trung tâm hành chính mới đi Tỉnh lộ 683	7897777	292	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Mil	Đắk Mil	2022-2025	81/NQ-HĐND 11/5/2021; 2361/QĐ-UBND 31/12/2021	110.000	110.000	1.000	1.000	90.000			30.000				0%				
3.17	Đường giao thông từ Tỉnh lộ 681 đi thị trấn Kiến Đức qua các xã Kiến Thành - Đắk Wer - Nhân Cơ, huyện Đắk R'lấp	7938779	292	Ban Quản lý dự án và Phát triển Quỹ đất huyện Đắk R'lấp	Đắk R'lấp	2022-2025	37/NQ-HĐND 11/5/2021; 2362/QĐ-UBND 31/12/2021	86.000	86.000	15.000	15.000	76.000			10.000			802	8%				
c	Công trình cộng cộng tại các đô thị							400.000	400.000	56.019	56.019	400.000	0	0	110.000	0	0	0					
3.1	Quảng trường trung tâm thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông	7910024	338	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Gia Nghĩa	2022-2025	53/NQ-HĐND 11/5/2021; 158/NQ-HĐND 20/8/2021; 1328/QĐ-UBND 11/8/2022	400.000	400.000	56.019	56.019	400.000			110.000			89.689	82%				
(4)	Xã Hội							44.949	42.396	31.000	31.000	44.000	0	0	5.000	0	0	0					

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế bổ trí vốn đến hết năm 2022		KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch năm 2023			Kết quả giải ngân đến ngày 30/5/2023	Tỷ lệ giải ngân	Ghi chú				
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó:				Trong đó NSTW			
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW						Thu hồi các khoản vốn ứng trước				Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Trong đó:	
																					Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
3.1	Trung tâm bảo trợ xã hội của tỉnh	7155335	398	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Gia Nghĩa	2019-2022	85/HĐND-VP 28/3/2017; 249/QĐ-UBND 26/02/2019; 2055/QĐ-UBND 19/12/2019	44.949	42.396	31.000	31.000	44.000			5.000			5.000	100%			
(5)	Các dự án trọng điểm, liên kết vùng							1.583.000	1.500.000	381.610	381.610	1.500.000	0	0	280.000	0	0	0				
a	Y tế							753.000	750.000	191.610	191.610	750.000	0	0	130.000	0	0	0				
3.1	Nâng cấp Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Nông	7873228	132	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Gia Nghĩa		52/NQ-HĐND 11/5/2021; 372/QĐ-SXD 25/12/2020; 2281/QĐ-UBND 22/12/2021	753.000	750.000	191.610	191.610	750.000			130.000				49.664	38%		
b	Giao thông							830.000	750.000	190.000	190.000	750.000	0	0	150.000	0	0	0				
3.1	Đường Đạo Nghĩa - Quảng Khê (giai đoạn 2)	7281576	292	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh		2022-2025	1147/QĐ-UBND, 30/7/2015; 2076/QĐ-UBND, 22/12/2015; 858/QĐ-UBND 24/5/2017; 2064/QĐ-UBND 28/12/2017; 1145/QĐ-UBND 03/8/2021	830.000	750.000	190.000	190.000	750.000			150.000				16.961	11%		
IV	Chuẩn bị đầu tư							160.000	160.000	528	528	160.000	0	0	3.000	0	0	3.000				
(1)	Thể dục, thể thao							160.000	160.000	528	528	160.000	0	0	3.000	0	0	3.000				
4.1	Nhà thi đấu tỉnh Đắk Nông	7910025	221	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Gia Nghĩa	2022-2025	104/NQ-HĐND 11/5/2021; 157/NQ-HĐND 20/8/2021	160.000	160.000	528	528	160.000			3.000			3.000	4	0%		
V	Khởi công mới năm 2023							88.288	88.288	3.000	3.000	89.125	0	0	30.000	0	0	0				
(1)	Các hoạt động kinh tế							88.288	88.288	3.000	3.000	89.125	0	0	30.000	0	0	0				
a	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi thủy sản							88.288	88.288	3.000	3.000	89.125	0	0	30.000	0	0	0				
5.1	Hồ suối 38, tỉnh Đắk Nông	7906717	283	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Đắk Mil	2023-2026	107/NQ-HĐND 11/5/2021; 1554/QĐ-UBND 19/9/2022	88.288	88.288	3.000	3.000	89.125			30.000				2.281	8%		
5.2	Đường Lê Duẩn nối đường Võ Văn Kiệt, thành phố Gia Nghĩa	7933504	292	Ban Quản lý Dự án và phát triển quỹ đất thành phố Gia Nghĩa	Gia Nghĩa	2023-2026	92/NQ-HĐND 11/5/2021; 153/NQ-HĐND 20/8/2021; 2191/QĐ-UBND 23/12/2022	200.000	200.000	2.000	2.000	30.000			28.000				993	4%		

Phụ lục I-c

TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI NĂM 2023 ĐẾN NGÀY 31/5/2023

(Kèm theo Báo cáo số 377/BC-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2023 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2023		Kết quả giải ngân đến ngày 31/5/2023	Tỷ lệ giải ngân	Ghi chú
								Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số	Trong đó: Chuẩn bị đầu tư			
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG CỘNG								262.000	262.000	262.000	0	15.298.802	5,84%	
A	ĐẦU TƯ CÁC CƠ SỞ BẢO TRỢ XÃ HỘI, ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ, KẾT NỐI VÀ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM								70.000	70.000	70.000	0	470	1%	
	<i>Khởi công mới năm 2023</i>								70.000	70.000	70.000	0	470	1%	
1	Đầu tư, phát triển Trường Cao đẳng Cộng đồng Đắk Nông	7964083	093	Trường Cao đẳng Cộng đồng	Gia Nghĩa		2023	22/NQ-HĐND 17/6/2022; 1513/QĐ-UBND 08/9/2022	70.000	70.000	70.000		470	1%	
B	ĐẦU TƯ NÂNG CAO NĂNG LỰC Y TẾ DỰ PHÒNG, Y TẾ CƠ SỞ								132.000	132.000	132.000	0	552	0%	
	<i>Khởi công mới năm 2023</i>								132.000	132.000	132.000	0	552		
2	Dự án Đầu tư xây mới, cải tạo nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm kiểm soát bệnh tật (CDC) tỉnh Đắk Nông	7984362	132	Sở Y tế	Gia Nghĩa		2023	2099/QĐ-UBND 13/12/2022	30.000	30.000	30.000			0%	
3	Dự án đầu tư nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 08 Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Đắk Nông	7984360	132	Sở Y tế	Toàn tỉnh		2023	2100/QĐ-UBND 13/12/2022	86.550	86.550	86.550		552	1%	
4	Dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo 09 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Đắk Nông	7984361	132	Sở Y tế			2023	2101/QĐ-UBND 13/12/2022	15.450	15.450	15.450			0%	
C	PHÒNG CHỐNG SẠT LỠ BỜ SÔNG, BỜ BIỂN, BẢO ĐẢM AN TOÀN HỒ CHỨA, THÍCH ỨNG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU, KHẮC PHỤC HẬU QUẢ THIÊN TAI								52.879	52.879	52.879		14.278	27%	
	<i>Khởi công mới năm 2023</i>								52.879	52.879	52.879				
5	Sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa nước (Thôn 2, Đắk Ngo, Xã Đắk Ngo, Hồ Số 2, Hồ Số 3, Thôn 2, Ea TLing, Thôn 3B)							28/NQ-HĐND 28/7/2022	52.879	52.879	52.879	0	14.278	27%	
5.1	Hồ Số 2, xã Đắk Plao, huyện Đắk Glong							612/QĐ-SNN ngày 22/12/2022	7.328	7.328	7.328		2.072	28%	
5.2	Hồ Số 3, xã Đắk Plao, huyện Đắk Glong							613/QĐ-SNN ngày 22/12/2022	7.495	7.495	7.495		2.126	28%	

5.3	Hồ Thôn 3B, xã Quảng Sơn, huyện Đắk Glong						607/QĐ-SNN ngày 22/12/2022	4.000	4.000	4.000		1.180	29%	
5.4	Hồ Thôn 2, xã Quảng Tín, huyện Đắk R'lấp						608/QĐ-SNN ngày 22/12/2022	7.405	7.405	7.405		2.068	28%	
5.5	Hồ Đắk Ngo, xã Đắk Ngo, huyện Tuy Đức						610/QĐ-SNN ngày 22/12/2022	13.000	13.000	13.000		2.648	20%	
5.6	Hồ Thôn 2, xã Quảng Tâm, huyện Tuy Đức						609/QĐ-SNN ngày 22/12/2022	6.651	6.651	6.651		1.974	30%	
5.7	Hồ Ea TLing, thị trấn Ea TLing, huyện Cư Jút						611/QĐ-SNN ngày 22/12/2022	7.000	7.000	7.000		2.211	32%	
D	THÔNG BÁO SAU							7.121	7.121	7.121				

Phụ lục I-d
TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI) NĂM 2023 ĐẾN NGÀY 31/5/2023
 (Kèm theo Báo cáo số 32/BC-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2023 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đanh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Ngày ký kết hiệp định	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư								Lấy kế bố trí từ khởi công đến năm 2022						Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch năm 2023				Ghi chú							
							Số quyết định	TMBT								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						Tổng số	Trong đó	Tổng số	Trong đó		Kết quả giải ngân đến ngày 31/5/2023	Tỷ lệ giải ngân					
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng				Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)				Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)										Tổng số	Vốn nước ngoài (cấp phát)	Tổng số	Vốn nước ngoài (cấp phát)	
									Tổng số	Trong đó:			Tinh bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó													
										NSTW	NSDP	Các nguồn khác		Tổng số	Đưa vào cân đối NSTW			Vay lại	Cấp phát từ NSTW		Vay lại													
TỔNG SỐ																																		
A	VỐN NƯỚC NGOÀI KHÔNG GIẢI NGÂN THEO CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC							555.241	119.161	18.000	101.161		25,0	519.785	437.550	82.235	41.603	21.204	2.000	19.204		20.399	18.423	1.976	433.550	433.550	125.730	125.730	0,00	0,00%				
I	Các hoạt động kinh tế							555.241	119.161	18.000	101.161		25,0	519.785	437.550	82.235	41.603	21.204	2.000	19.204		20.399	18.423	1.976	433.550	433.550	47.000	47.000						
1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản							555.241	119.161	18.000	101.161		25,0	519.785	437.550	82.235	41.603	21.204	2.000	19.204		20.399	18.423	1.976	433.550	433.550	47.000	47.000						
1.1	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021							555.241	119.161	18.000	101.161		25,0	519.785	437.550	82.235	41.603	21.204	2.000	19.204		20.399	18.423	1.976	433.550	433.550	47.000	47.000						
1.1.1	Dự án nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán, vay vốn ADB tỉnh Đắk Nông			Hạn quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	28/12/2018	2018-2024	662/QĐ-UBND ngày 9/5/2019; 663/QĐ-UBND ngày 9/5/2019; 1079/QĐ-UBND ngày 30/6/2022; 1127/QĐ-UBND ngày 12/7/2022	428.246	100.775		100.775		19,3	411.176	328.941	82.235	29.083	19.204		19.204		9.879	7.903	1.976	324.941	324.941	32.000	32.000						
-	Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước từ các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Cư Jút tỉnh Đắk Nông	7572458	283			2018-2024	662/QĐ-UBND, ngày 09/5/2019; 1079/QĐ-UBND ngày 30/6/2022	215.200	44.601		44.601			170.599	136.479	34.120	12.728	8.440		8.440		4.288	3.430	858			16.000	16.000			0%			
-	Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước từ các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Đắk Mít tỉnh Đắk Nông	7572454	283			2018-2024	663/QĐ-UBND, ngày 09/5/2019; 1127/QĐ-UBND ngày 12/7/2022	213.046	56.174		56.174			156.872	125.498	31.374	16.355	10.764		10.764		5.591	4.473	1.118			16.000	16.000			0%			
1.1.2	Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ, tỉnh Đắk Nông	7911356	283	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	28/05/2021	2021-2026	740/QĐ-TTg ngày 20/5/2020; 729/QĐ-UBND ngày 24/5/2021; 1914/QĐ-UBND 10/11/2021	126.995	18.386	18.000	386		5,7	108.609	108.609		12.520	2.000	2.000		10.520	10.520		108.609	108.609	15.000	15.000	0	0%					
II	Thông báo sau																																	
																													78.730	78.730				

KẾT QUẢ BỐ TRÍ VỐN ĐỐI ỨNG THỰC HIỆN 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số 372/BC-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

DVY: Triệu đồng

STT	Đơn vị	KẾT QUẢ BỐ TRÍ VỐN ĐỐI ỨNG NĂM 2022																				
		DỰ TOÁN GIAO PHẢI BỐ TRÍ							ĐÃ BỐ TRÍ						CHƯA BỐ TRÍ							
		Tổng cộng	Vốn đầu tư			Vốn sự nghiệp			Tổng cộng	Vốn đầu tư			Vốn sự nghiệp			Tổng cộng	Vốn đầu tư			Vốn sự nghiệp		
			Tổng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Tổng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện		Tổng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Tổng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện		Tổng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Tổng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
	TỔNG CỘNG = A+B+C	174.066	131.270	23.932	107.338	42.796	19.550	23.246	96.528	63.089	6.400	56.689	33.439	19.550	13.889	77.538	68.181	17.532	50.649	9.357	0	9.357
A	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	27.118	17.919	7.419	10.500	9.199	3.729	5.470	12.898	5.856	0	5.856	7.042	3.729	3.313	14.220	12.063	7.419	4.644	2.157	0	2.157
I	Các Sở, ban, ngành	988	0			988	988		988				988	988		0				0	0	0
II	Phân cấp cho cấp huyện	26.130	17.919	7.419	10.500	8.211	2.741	5.470	11.910	5.856	0	5.856	6.054	2.741	3.313	14.220	12.063	7.419	4.644	2.157	0	2.157
1	UBND huyện Krông Nô	1.545	444	133	311	1.101	318	783	326	8	0	8	318	318		1.219	436	133	303	783	0	783
2	UBND huyện Cư Jút	1.234	404	0	404	830	0	830	856	404	0	404	452	0	452	378	0	0	0	378	0	378
3	UBND huyện Đắk Mil	5.163	4.348	0	4.348	815	0	815	4.863	4.048	0	4.048	815	0	815	300	300	0	300	0	0	0
4	UBND huyện Đắk Song	2.966	2.194	658	1.536	772	222	550	1.188	613	0	613	575	222	353	1.778	1.581	658	923	197	0	197
5	UBND huyện Đắk R'lấp	1.134	384	0	384	750	0	750	750	0	0	0	750	0	750	384	384	0	384		0	0
6	UBND huyện Tuy Đức	2.331	809	566	243	1.522	1.032	490	1.581	107	0	107	1.474	1.032	442	750	702	566	136	48	0	48
7	UBND huyện Đắk Glông	10.380	8.660	6.062	2.598	1.720	1.169	551	1.670	0	0	0	1.670	1.169	501	8.710	8.660	6.062	2.598	50	0	50
8	UBND thành phố Gia Nghĩa	1.377	676	0	676	701	0	701	676	676	0	676	0	0	0	701	0	0	0	701	0	701
B	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	19.708	15.131	10.113	5.018	4.577	2.251	2.326	5.974	2.460	0	2.460	3.514	2.251	1.263	13.734	12.671	10.113	2.558	1.063	0	1.063
I	Các Sở, ban, ngành	1.722	605	605		1.117	1.117		1.117				1.117	1.117		605	605	605	0	0	0	0
II	Phân cấp cho cấp huyện	17.986	14.526	9.508	5.018	3.460	1.134	2.326	4.857	2.460	0	2.460	2.397	1.134	1.263	13.129	12.066	9.508	2.558	1.063	0	1.063
1	UBND huyện Krông Nô	627	207	62	145	420	126	294	129	3		3	126	126		498	204	62	142	294	0	294
2	UBND huyện Cư Jút	565	199	0	199	366	0	366	205	195	0	195	10	0	10	360	4	0	4	356	0	356
3	UBND huyện Đắk Mil	694	261	0	261	433	0	433	694	261	0	261	433	0	433	0	0	0	0	0	0	0
4	UBND huyện Đắk Song	512	180	54	126	332	100	232	100	0	0	100	100		412	180	54	126	232	0	232	
5	UBND huyện Đắk R'lấp	693	261	0	261	432	0	432	432	0	0	0	432	0	432	261	261	0	261	0	0	
6	UBND huyện Tuy Đức	7.310	6.665	4.666	1.999	645	452	193	2.644	1.999	0	1.999	645	452	193	4.666	4.666	4.666	0	0	0	0
7	UBND huyện Đắk Glông	7.402	6.751	4.726	2.025	651	456	195	651	0	0	0	651	456	195	6.751	6.751	4.726	2.025	0	0	0
8	UBND thành phố Gia Nghĩa	183	2	0	2	181	0	181	2	2		2	0	0		181	0	0	0	181	0	181
C	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	127.240	98.220	6.400	91.820	29.020	13.570	15.450	77.656	54.773	6.400	48.373	22.883	13.570	9.313	49.584	43.447	0	43.447	6.137	0	6.137
I	Các Sở, ban, ngành	19.970	6.400	6.400		13.570	13.570		19.970	6.400	6.400		13.570	13.570		0				0	0	0
II	Phân cấp cho cấp huyện	107.270	91.820	0	91.820	15.450	0	15.450	57.686	48.373	0	48.373	9.313	0	9.313	49.584	43.447	0	43.447	6.137	0	6.137
1	UBND huyện Krông Nô	18.812	16.842		16.842	1.970		1.970	3.337	3.337		3.337	0		0	15.475	13.505		13.505	1.970	0	1.970
2	UBND huyện Cư Jút	13.618	11.678		11.678	1.940		1.940	8.421	6.898		6.898	1.523		1.523	5.197	4.780		4.780	417	0	417
3	UBND huyện Đắk Mil	17.710	15.680		15.680	2.030		2.030	17.710	15.680		15.680	2.030		2.030	0	0		0	0	0	0
4	UBND huyện Đắk Song	11.456	9.346		9.346	2.110		2.110	4.793	4.793		4.793	0		0	6.663	4.553		4.553	2.110	0	2.110
5	UBND huyện Đắk R'lấp	16.187	14.187		14.187	2.000		2.000	2.000	0		0	2.000		2.000	14.187	14.187		14.187	0	0	0
6	UBND huyện Tuy Đức	11.776	9.956		9.956	1.820		1.820	6.798	4.978		4.978	1.820		1.820	4.978	4.978		4.978	0	0	0
7	UBND huyện Đắk Glông	12.684	10.744		10.744	1.940		1.940	11.240	9.300		9.300	1.940		1.940	1.444	1.444		1.444	0	0	0

		KẾT QUẢ BỐ TRÍ VỐN ĐỐI ỨNG NĂM 2023																				
STT	Đơn vị	DỰ TOÁN GIAO PHẢI BỐ TRÍ							ĐÃ BỐ TRÍ						CHƯA BỐ TRÍ							
		Tổng cộng	Vốn đầu tư			Vốn sự nghiệp			Tổng cộng	Vốn đầu tư			Vốn sự nghiệp			Tổng cộng	Vốn đầu tư			Vốn sự nghiệp		
			Tổng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Tổng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện		Tổng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Tổng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện		Tổng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Tổng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
8	UBND thành phố Gia Nghĩa	7.341	7.341		7.341	0			7.341	7.341	0	7.341		0	0	0	0	0	0	0	0	0
III	Chưa phân bổ	34.995				34.995					0			0		34.995	0				34.995	0
D	TỔNG CỘNG = A+B+C	194.102	156.911	35.654	121.257	37.191	16.888	20.303	131.109	102.383	35.654	66.807	28.726	16.888	11.838	60.731	32.382	0	32.382	6.281	6.281	0
I	Các Sở, ban, ngành	20.665	15.770	15.770	0	4.895	4.895	0	20.665	15.770	15.770	0	4.895	4.895	0	0	0	0	0	0	0	0
II	Phân cấp cho cấp huyện	173.437	141.141	19.884	121.257	32.296	11.993	20.303	110.444	86.613	19.884	66.807	23.831	11.993	11.838	60.731	32.382	0	32.382	6.281	6.281	0
1	UBND huyện Krông Nô	20.594	16.515	222	16.293	4.079	1.223	2.856	5.161	1.272	222	1.050	3.889	1.223	2.666	15.243	15.243	0	15.243	0	0	0
2	UBND huyện Cư Jút	22.986	20.500	0	20.500	2.486	0	2.486	22.986	20.500	0	20.500	2.486	0	2.486	0	0	0	0	0	0	0
3	UBND huyện Đắk Mil	35.171	31.534	0	31.534	3.637	0	3.637	34.797	31.534	0	31.534	3.263	0	3.263	0	0	0	0	0	0	0
4	UBND huyện Đắk Song	16.690	13.870	629	13.241	2.820	846	1.974	7.510	6.664	629	6.113	846	846	0	7.974	7.128	0	7.128	846	846	0
5	UBND huyện Đắk R'lấp	26.093	23.630	0	23.630	2.463	0	2.463	2.463	0	0	0	2.463	0	2.463	23.630	1.562	0	1.562	0	0	0
6	UBND huyện Tuy Đức	19.070	12.657	8.654	4.003	6.413	4.489	1.924	13.143	8.654	8.654	0	4.489	4.489	0	4.003	4.003	0	4.003	0	0	0
7	UBND huyện Đắk Glong	22.589	14.825	10.379	4.446	7.764	5.435	2.329	15.814	10.379	10.379	0	5.435	5.435	0	9.881	4.446	0	4.446	5.435	5.435	0
8	UBND thành phố Gia Nghĩa	10.244	7.610	0	7.610	2.634	0	2.634	8.570	7.610	0	7.610	960	0	960	0	0	0	0	0	0	0
III	Chưa phân bổ	34.995				34.995									34.995	0				34.995		

PHỤ LỤC II - c
KẾT QUẢ GIẢI NGÂN VỐN CHƯƠNG TRÌNH MTQG NĂM 2022, NĂM 2023 ĐẾN NGÀY 31/5/2023
(Kèm theo Báo cáo số 377/BC-UBND ngày 16/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVI: Triệu đồng

Stt	Đơn vị thực hiện	Tổng vốn được giao				Kết quả giải ngân vốn giao năm 2022									Kết quả giải ngân vốn giao năm 2023								
		Tổng cộng	Tỷ lệ	2023	2022	Tổng cộng	Tỷ lệ	Vốn đầu tư			Vốn sự nghiệp			Tổng cộng	Tỷ lệ	Vốn đầu tư			Vốn sự nghiệp				
								Tổng	NSTW	NSDP	Tổng	NSTW	NSDP			Tổng	NSTW	NSDP	Tổng	NSTW	NSDP		
	TỔNG CỘNG	1.877.112	13,0%	1.118.737	758.375	223.103	29,4%	175.801	148.372	27.429	47.302	37.292	10.009	20.641	1,85%	19.230	16.861	2.270	1.411	1.411	0		
1	Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS miền núi	768.180	8,11%	481.081	287.099	58.598	20,4%	47.909	46.362	1.547	10.689	9.080	1.609	3.682	0,77%	3.120	3.021	0	562	562	0		
2	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	547.054	12,36%	330.258	216.796	66.746	30,8%	59.965	58.897	1.068	6.780	6.274	506	849	0,26%	0	0	0	849	849	0		
3	Chương trình MTQG nông thôn mới	561.878	20,27%	307.398	254.480	97.760	38,4%	67.927	43.113	24.814	29.833	21.939	7.894	16.110	5,24%	16.110	13.840	2.270	0	0	0		